



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 TRỊNH VĂN QUYẾT:

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam "Tinh, Gọn, Mạnh" trong tình hình mới

11 NGUYỄN VĂN THÀNH:

Tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại với xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam "tinh, gọn, mạnh" trong tình hình mới

20 VŨ VĂN HIÊN:

Dự báo bối cảnh mới, yêu cầu đặt ra trong việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

36 TRẦN KHẮC VIỆT:

Định hướng hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến năm 2030, tầm nhìn 2045

48 TRẦN VI DÂN:

Xây dựng thể trận an ninh nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn 2045

61 NGUYỄN BÁ DƯƠNG:

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân: quan điểm, thành tựu và định hướng giải pháp



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM "TINH, GỌN, MẠNH" TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● **Thượng tướng TRỊNH VĂN QUYẾT**

*Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương,
Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam*

Kế thừa kinh nghiệm trong lịch sử dân tộc “*Binh quý hồ tinh, bất quý hồ đa*” (quân cốt tinh, không cốt nhiều) và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Chúng ta phải ra sức xây dựng Quân đội ta thành một Quân đội nhân dân hùng mạnh, một Quân đội cách mạng tiến lên chính quy và hiện đại, để giữ gìn hòa bình, bảo vệ Tổ quốc*”¹, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng chăm lo xây dựng Quân

đội nhân dân Việt Nam về mọi mặt; trong đó, chú trọng lãnh đạo xây dựng Quân đội “*tinh, gọn, mạnh*” - nhân tố quyết định nhằm nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức, xây



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Quân ủy Trung ương xem trưng bày, giới thiệu các trang thiết bị quân sự tại Hội nghị Quân chính toàn quân _
Ảnh: TTXVN*

dựng, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện; là Quân đội của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Quân đội là nguyên tắc bất biến, nhất quán, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam; nhân tố quyết định mọi thắng lợi, bảo đảm cho Quân đội ngày càng trưởng thành, lớn mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân đội luôn giữ vững bản chất Quân đội

cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức; trở thành lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Trong điều kiện cách mạng mới, trước tình hình thế giới, khu vực và trong nước bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta đã coi trọng củng cố, tăng

cường sức mạnh quốc phòng, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “*tin, gọn, mạnh*”. Đây là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030 của Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định, được thể hiện trên những nội dung sau:

Thứ nhất, Đảng đề ra chủ trương, định hướng đúng đắn về xây dựng Quân đội “tin, gọn, mạnh” trong tình hình mới.

Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “*Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an “tin, gọn, mạnh”, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm*

2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”². Đây là chủ

trương, định hướng

đúng đắn của Đảng

trong xây dựng Quân

đội; trong đó, chia thành

hai giai đoạn: 2021 -

2025 và 2025 - 2030. Mỗi

giai đoạn có mục tiêu,

yêu cầu riêng nhưng gắn

kết chặt chẽ với nhau,

giai đoạn trước là tiền đề

của giai đoạn sau và

ngược lại, giai đoạn sau

là kết quả tổng hợp, tiếp

nối giai đoạn trước.

Trọng tâm của xây dựng

Quân đội từ năm 2021 -

2025 là xây dựng tổ chức

Quân đội “*tin, gọn,*

mạnh”, tạo tiền đề vững

chắc, phấn đấu năm

2030 xây dựng Quân đội

cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện

đại. Để hoàn thành nhiệm vụ này,

phải thực hiện đồng thời ba nội dung:

“*tin*” là chất lượng con người “*tin*

binh, tin cán” và vũ khí, trang bị;

trước hết, là tinh nhuệ về chính trị,

trình độ tác chiến - nội dung cốt lõi, căn bản nhất của xây dựng Quân đội; “gọn” là các đầu mối tổ chức cơ quan, đơn vị được xây dựng cân đối, đồng bộ, hợp lý, khoa học giữa các thành phần, lực lượng, không chồng chéo, chống chéo chức năng, nhiệm vụ; “mạnh” là sức mạnh bảo đảm cho Quân đội đủ sức hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Quân đội mạnh phải dựa trên sự kết hợp giữa yếu tố tổ chức, con người với vũ khí, trang bị và nghệ thuật quân sự Việt Nam, tạo thành sức mạnh tổng hợp để đánh thắng mọi kẻ thù trong các hình thái chiến tranh. Để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu xây dựng Quân đội “*tin, gọn, mạnh*”, tiến lên hiện đại, Đại hội lần thứ XIII của Đảng còn xác định: “*Xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng... hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội*”³.

Cụ thể hoá và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17-01-2022 về “*Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm*

tiếp theo”; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 26-01-2022 về “*Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*”. Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết số 230-NQ/QUTU ngày 02-4-2022 về “*Lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*”. Đây là những chủ trương, định hướng đúng đắn của Đảng về xây dựng Quân đội “*tin, gọn, mạnh*” trong tình hình mới.

Thứ hai, Đảng chỉ đạo quá trình xây dựng Quân đội “tin, gọn, mạnh” chặt chẽ, kiên quyết, kiên trì, có lộ trình, bước đi thích hợp, không chủ quan, nóng vội.

Để xây dựng Quân đội “*tin, gọn, mạnh*” là vấn đề rất lớn, rất hệ trọng, liên quan đến công tác tư tưởng, công tác chính sách; do đó, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo: “*Quá trình thực hiện phải chặt chẽ, kiên quyết, kiên trì, có lộ trình, bước đi thích hợp, không chủ quan, nóng vội; phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác chính sách. Kịp thời phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh, không làm ảnh*

hưởng đến những mặt công tác khác. Quản lý tốt cơ sở vật chất, tài sản, vật tư, trang thiết bị; chống thất thoát, lãng phí, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Triển khai xây dựng đồng bộ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm mọi mặt hoạt động của các đơn vị được điều chỉnh nhịp nhàng, hiệu quả. Sau điều chỉnh, sáp nhập, toàn quân phải giữ vững được sự ổn định; sức mạnh chiến đấu phải mạnh lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ”⁴.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, cấp ủy tổ chức đảng, người chỉ huy các cấp trong toàn quân đã và đang làm tốt việc rà soát, điều chỉnh, kiện toàn tổ chức, biên chế, bảo đảm trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện có và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới. Trước hết, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo. Về tổ chức, chỉ đạo tiến hành điều chỉnh tổ chức từ cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đến các cơ quan, đơn vị cấp chiến dịch, chiến thuật. Điều chỉnh thể bố trí lực lượng

để đáp ứng nhiệm vụ trên cả 5 môi trường tác chiến (không, bộ, biển, không gian mạng, không gian vũ trụ). Trong đó, chú trọng chỉ đạo việc giải thể, sáp nhập, điều chuyển một số cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; điều chỉnh và tổ chức lại các đơn vị thuộc khối quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng; khối học viện, nhà trường; khối viện, trung tâm nghiên cứu; khối kho hậu cần - kỹ thuật; khối doanh nghiệp quốc phòng... Về quân số, trên cơ sở của Luật Quốc phòng về tổng quân số, chỉ đạo tiến hành điều chỉnh cơ cấu quân số theo hướng nâng tỷ lệ thành phần hưởng lương để đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và làm chủ vũ khí, trang bị mới, hiện đại...

Đối với khối cơ quan cấp chiến dịch, chiến lược, tập trung rà soát, điều chỉnh tổ chức, biên chế theo hướng giảm đầu mối trung gian và quân số phục vụ, bảo đảm; bổ sung chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, khắc phục sự chồng chéo để tăng cường quân số cho các đơn vị thành lập mới, đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển,

đảo. Đối với khối đơn vị chiến đấu, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để điều chỉnh tổ chức theo hướng tăng cường sức mạnh chiến đấu, khả năng cơ động. Sắp xếp lại các nhà máy sản xuất, cơ sở sản xuất quốc phòng và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế các nhà trường quân đội phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Quá trình rà soát, điều chỉnh bảo đảm tính khách quan, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, theo hướng có giảm, có tăng trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ của từng loại hình cơ quan, đơn vị và lực lượng. Đây là mục tiêu có ý nghĩa rất quan trọng, tạo tiền đề, cơ sở vững chắc để đến năm 2030 phấn đấu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Thứ ba, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh” bước đầu đạt được những kết quả quan trọng.

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trước yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, Đảng đã lãnh đạo thực hiện điều chỉnh lớn về tổ chức, lực lượng Quân đội, từ 11 quân khu và 2 bộ tư lệnh

thành phố rút gọn lại thành 8 quân khu. Đặc biệt, sau chiến tranh bảo vệ biên giới, Quân đội đã giải thể một số quân đoàn trong quân khu, đặc khu Quảng Ninh; một số sư đoàn đủ quân trở thành sư đoàn khung thường trực; năm 2008, tổ chức lại Quân khu Thủ đô thành Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Về số lượng, thực hiện giảm đáng kể quân số, bảo đảm duy trì số quân hợp lý, theo hướng “*tinh, gọn, mạnh*”.

Phát huy những thành tựu đạt được trong điều chỉnh tổ chức, lực lượng, tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, trực tiếp là đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cũng như yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng Quân đội “*tinh, gọn, mạnh*”.

Từ năm 2016 đến nay, “*Quân đội đã điều chỉnh 1.286 tổ chức, giải thể các trường nghề và 61 trường quân sự cấp tỉnh*”⁵; tăng cường lực lượng bảo vệ biên giới, biển, đảo và lực lượng, đơn

vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Các cơ sở sản xuất, sửa chữa, công nghiệp quốc phòng, đoàn kinh tế - quốc phòng được điều chỉnh hợp lý, giảm bớt các tổ chức trung gian, từng bước khắc phục sự chông chéo về chức năng, nhiệm vụ. Các đơn vị dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật được tổ chức, sắp xếp đủ 100% số đầu mối đơn vị theo quy định. Đã triển khai quyết liệt, đồng bộ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 - “*Năm triển khai kế hoạch điều chỉnh lực lượng*”; xây dựng, ban hành bộ tiêu chí Quân đội nhân dân Việt Nam hiện đại trong tình hình mới; các giải pháp xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “*Mẫu mực, tiêu biểu*”; tiếp tục điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội theo hướng “*tin, gọn, mạnh*” theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 05-NQ/TU của Bộ Chính trị về “*Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*”.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 05-NQ/TU của Bộ Chính trị và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng xác định chủ đề của

năm 2023 là “*Năm điều chỉnh tổ chức lực lượng*” với mục tiêu cụ thể là triển khai nghiêm túc, chặt chẽ Nghị quyết 05-NQ/TU của Bộ Chính trị (Khóa XIII) và Nghị quyết 230-NQ/QUTU của Quân ủy Trung ương về tổ chức Quân đội giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Đảng, trực tiếp là sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng Quân đội “*tin, gọn, mạnh*”, bước đầu đạt được một số kết quả quan trọng; bảo đảm sự cân đối, tương đối đồng bộ giữa các quân chủng, binh chủng, giữa cơ quan và đơn vị, giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Đặc biệt, chú trọng xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, đảm bảo cho Quân đội luôn tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu ở các đơn vị; đẩy mạnh đổi mới căn

bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng huấn luyện - đào tạo ở các học viện, nhà trường quân đội theo phương châm “*Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị*”.

Công nghiệp quốc phòng từng bước phát triển theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, đáp ứng một phần nhu cầu vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang và góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, nghiên cứu, thiết kế, làm chủ công nghệ chế tạo và sản xuất được một số loại vũ khí chiến lược cần thiết cho phòng thủ đất nước; từng bước bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng, đáp

ứng kịp thời vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biển, đảo...

Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “*tin, gọn, mạnh*”, tiến lên hiện đại là chủ trương lớn, đúng đắn, nhất quán, thể hiện tầm nhìn, tư duy chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Đây là yêu cầu vừa mang tính cấp thiết trước mắt, vừa mang tính cơ bản lâu dài; là giải pháp nền tảng để xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm cho Quân đội ta luôn là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng và Nhà nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới ■

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.585.

^{2,3} ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.157-158, 158-159.

⁴ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “*Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*”, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.176.

⁵ Đại tướng, TS Phan Văn Giang: “*Xây dựng quân đội “tin, gọn, mạnh”, tiến lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 29-6-2022.

TƯ DUY LÝ LUẬN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI VỚI XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM "TINH, GỌN, MẠNH" TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● **Thượng tướng, PGS, TS NGUYỄN VĂN THÀNH**

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Việc nghiên cứu làm rõ, phát triển tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại với xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam "tinh, gọn, mạnh" là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hiện nay. Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: Trước tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, chúng ta đã coi trọng củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh, chủ động xử lý thành công các tình huống, không để bị động, bất ngờ. An ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng

mở rộng và đi vào chiều sâu; "kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc"¹.

1. Tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới.

Đảng ta tiếp tục khẳng định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Củng cố quốc



Xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại là chủ trương lớn, thể hiện tầm nhìn, tư duy chiến lược của Đảng, Nhà nước ta đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc _ Ảnh: vietnamhoinhap.vn

phòng, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”, phát triển kinh tế là trọng tâm nhưng không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Đây là quan điểm lý luận cơ bản, chi phối, quy định toàn bộ các nội dung về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nội dung trọng yếu của quốc phòng, an ninh là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an

toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột “từ sớm, từ xa”. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”².

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đại hội XIII nhấn mạnh: “*Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác*”³. Sự nhìn nhận và xác định rõ hơn về bảo đảm lợi ích quốc gia - dân

tộc được xác định cụ thể: “*Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi*”⁴. Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm rất nhiều yếu tố

Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác”.

lợi ích: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đặc biệt bảo vệ vùng biển, đảo, thêm lục địa, triệt để phương thức phi vũ trang, vận dụng linh hoạt, mềm dẻo sách lược giữ vững độc lập, chủ quyền, lãnh thổ. Tư duy về nền quốc phòng toàn dân ngày càng hoàn thiện, là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn

diện, độc lập, tự chủ, tự cường. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bao gồm: Xây dựng tiềm lực quốc phòng, lực lượng quốc phòng, thế trận quốc phòng toàn dân.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu, rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu, rộng, có hiệu quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. “*Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân*”²⁵.

Đại hội XIII khẳng định: “*Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh*

với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”²⁶. “*Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu, rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu, rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước*”²⁷. Rõ ràng, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế và hội nhập quốc tế không giới hạn trong một phạm vi hay một lĩnh vực nào mà nó lan tỏa ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực

trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Thực hiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu, rộng là tham gia vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh với mục tiêu phải tăng cường nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc.

2. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “tinh, gọn, mạnh”, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới

Tư duy mới về quốc phòng, an ninh, đối ngoại là kết quả của việc đánh giá tổng kết sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ Tổ quốc sau gần 40 năm đổi mới đất nước. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, trong những năm qua, Quân đội nhân dân Việt Nam không ngừng được xây dựng, củng cố, phát triển toàn diện cả về tổ chức lực lượng, phương tiện chiến đấu, nghệ thuật quân sự, sẵn sàng xử lý thắng lợi nhiệm vụ trong mọi tình huống, không để bất ngờ, bị động. Trên cơ sở tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, để Quân đội không ngừng lớn mạnh,

trưởng thành, thực sự là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước cần quan tâm một số nội dung như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả quan điểm xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam theo hướng “tinh, gọn, mạnh”.

Đây là quan điểm xuyên suốt và bao trùm nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng Quân đội, hướng tới xây dựng Quân đội hiện đại, đáp ứng yêu cầu tác chiến trong tình hình mới. Với tư duy về quốc phòng, an ninh, đối ngoại hiện nay, để thực hiện tốt mục tiêu này, cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 05-NQ/TƯ ngày 17-01-2022 của Bộ Chính trị về *Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*; Nghị quyết số 230-NQ/QUTƯ ngày 02-4-2022 của Quân ủy Trung ương về *Lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*. Từng bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, triệt để, linh hoạt, sáng tạo, đúng lộ trình tinh giảm biên chế, đảm bảo phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ, đặc thù đơn vị, phù hợp với đường lối quốc phòng toàn dân, chiến

tranh nhân dân, vũ khí, trang bị. Từng bước hoàn thiện, phát triển, nâng cao hiệu quả và tính chiến đấu của các đơn vị chiến lược, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trong mọi tình huống tác chiến.

Hai là, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị là vấn đề xuyên suốt, tiền đề để tiến lên hiện đại.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại*”⁸. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị là một nguyên tắc cơ bản, vấn đề xuyên suốt, tạo tiền đề để Quân đội tiến lên chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm cho Quân đội luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Việc xây dựng Quân đội “*tinh, gọn, mạnh*” phải bảo đảm tinh về chính trị, gọn về tổ chức, nâng cao chất lượng về mọi mặt, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội.

Để thực hiện đúng tư duy của Đảng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới, xây dựng Quân đội “*tinh, gọn, mạnh*”, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống, bảo vệ Tổ quốc “*từ sớm, từ xa*”, không bị động, bất ngờ, phải được bắt đầu từ xây dựng vững mạnh về chính trị, Quân đội phải thực sự tinh nhuệ về chính trị, bảo đảm chắc chắn trong bất cứ hoàn cảnh nào, Quân đội nhân dân Việt Nam cũng tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững và chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; biết phát huy sức mạnh của vũ khí, trang bị hiện đại để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Ba là, tập trung xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật.

Phát triển nền công nghiệp quốc phòng hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp

ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng và củng cố các tuyến phòng thủ biên giới, biển, đảo. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TƯ ngày 26-01-2022 về *Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*. Theo đó, tiếp tục xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại và lưỡng dụng, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, đạt trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại; có quy mô tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động phù hợp.

Gắn kết, phát triển công nghiệp quốc phòng với công nghiệp quốc gia, có cơ cấu hợp lý trong tổng thể nền công nghiệp quốc gia, ưu tiên hướng tới những công nghệ hiện đại, có hiệu quả cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân. Đổi mới phương thức bảo đảm kỹ thuật đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật thế hệ mới, công nghệ cao theo hướng tập trung, thống nhất; đổi mới tư duy sản xuất vật tư kỹ thuật theo

hướng mở rộng liên doanh, liên kết, xã hội hóa...

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng nhằm tận dụng, huy động các nguồn lực từ bên ngoài phục vụ sự nghiệp hiện đại hóa quân đội. Theo đó, cùng với đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực, cần thúc đẩy hợp tác trong phát triển công nghiệp quốc phòng, kỹ thuật quân sự, kết hợp với mua sắm vũ khí, khí tài mới, hiện đại và gắn với chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ mới, hiện đại.

Bốn là, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là một trong những đột phá chiến lược, có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho Quân đội *“tinh, gọn, mạnh”*, tiến lên hiện đại. Việc xây dựng nguồn nhân lực cần chú trọng cả về số lượng và chất lượng, đồng bộ theo lộ trình hiện đại hóa vũ khí, trang bị, kỹ thuật của các quân chủng, binh chủng, lực lượng. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học quân sự, các chuyên gia đầu ngành, giảng viên

ở các học viện, nhà trường quân đội; quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ quân sự, chính trị chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật có trình độ, năng lực chuyên môn sâu.

Chủ động đào tạo phát triển nguồn nhân lực nòng cốt trong quân đội đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và chủ động hợp tác quốc tế theo Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 19-5-2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Về pháp lý, để tham gia Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, tháng 11-2013, Việt Nam đã sửa đổi Điều 89 của Hiến Pháp cho phép các lực lượng vũ trang được triển khai ra nước ngoài. Việc Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại khi Việt Nam đã là một đất nước hòa bình, độc lập, đóng góp hiệu quả thúc đẩy hòa bình, an ninh của khu vực và thế giới.

Đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, đào tạo sát với yêu cầu nhiệm vụ, kế thừa nghệ thuật quân sự

độc đáo của ông cha ta trong đánh giặc giữ nước và tinh hoa nghệ thuật quân sự thế giới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cần chú trọng công tác đào tạo cán bộ theo hướng cán bộ ngành đối ngoại cần hiểu và có kiến thức về công tác quốc phòng, an ninh và cán bộ quốc phòng, an ninh cũng được trang bị sâu hơn về kiến thức đối ngoại...

Năm là, kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Kết hợp chặt chẽ quốc phòng và an ninh trong duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại và quốc phòng, an ninh trong việc đưa quan hệ với các đối tác chính đi vào chiều sâu, củng cố và triển khai các khuôn khổ hợp tác toàn diện, ổn định, lâu dài và tin cậy lẫn nhau đã được thiết lập với các nước trong và ngoài khu vực; tạo dựng khuôn khổ hợp tác với các đối tác khác.

Kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại và quốc phòng, an ninh trong triển khai

đường lối kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, vừa tranh thủ tốt nhất sự giúp đỡ từ bên ngoài cho phát triển kinh tế nhưng vẫn đảm bảo an ninh của đất nước và phát triển tối đa nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chủ động thúc đẩy đối ngoại quốc phòng, an ninh, tích cực chủ động hội nhập khu vực và quốc tế, củng cố lòng tin, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, giảm bớt nghi ngờ và nghi kỵ; đồng thời, cũng đóng góp trực tiếp vào việc tranh thủ tập hợp lực lượng có lợi cho việc củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Chủ động nghiên cứu, dự báo tình hình, chia sẻ thông tin để đưa ra những đánh giá khách quan và đúng nhất về những diễn biến của tình hình thế giới, tình hình khu vực, những diễn biến mới nảy sinh của tình hình trong nước nhằm tạo ra sự nhất trí và thống

nhất trong xây dựng phương án đối phó, triển khai có hiệu quả hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Như vậy, đến Đại hội XIII, tư duy lý luận của Đảng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có bước phát triển và ngày càng hoàn thiện. Trong sự phát triển tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng xác định phải xây dựng Quân đội “*tin, gọn, mạnh*”. Đây là kết quả của việc tổng kết sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại; là chủ trương lớn, đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược nhằm tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới ■

^{1, 2, 3, 4, 5, 6, 7} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.22, 156, 157, 160, 161, 162, 164.

⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.217.

DỰ BÁO BỐI CẢNH MỚI, YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG VIỆC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

*Chuyên đề được hoàn thành trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Đề tài
KX.04.04/21-25*

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

C húng ta sống trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đa cực hóa về trật tự chính trị; đa dạng hóa về phát triển kinh tế - văn hóa; số hóa và tin học hóa trong đời sống xã hội, gia tăng sự phụ thuộc vào nhau và chuyển hóa lẫn nhau, phức tạp hóa sự hợp tác và đấu tranh vì lợi ích. Bối cảnh đó ẩn chứa nhiều chuyển biến lớn lao, phức tạp khó lường, vừa mang đến cho con người những thời cơ, vận hội và hy vọng, vừa đặt ra nhiều nguy cơ, thách thức và những lo lắng bất an. Vì vậy, trong khoảng một đến hai, ba thập kỷ tiếp theo, có thể dự báo một số xu hướng lớn và khả năng diễn biến tình hình thế giới và khu vực như sau:

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH MỚI CỦA THẾ GIỚI

1.1 Chuyển dịch, thăng trầm quyền lực và xáo trộn trật tự thế giới

Thế giới đang có sự chuyển biến và rõ dần xu thế chuyển dịch và thăng trầm quyền lực trên ba bình diện: Giữa các khu vực, giữa các nước lớn và trong mối quan hệ giữa nhà nước với người dân. Sự dịch chuyển quyền lực này bắt nguồn từ sự thay đổi trong tương quan lực lượng kinh tế giữa các nước dưới tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quy luật phát triển không đồng đều giữa các quốc gia. Tương quan sức mạnh kinh tế thay đổi dẫn tới những thay

đổi về tương quan sức mạnh tổng thể của quốc gia, bao hàm cả chính trị và quân sự. Đặc biệt, sự thay đổi tương quan lực lượng diễn ra với sự gia tăng sức mạnh tổng hợp của các “quốc gia mới nổi”. Cuộc xung đột sau đó chuyển thành cuộc chiến tranh đẫm máu giữa Nga và Ucraina với sự tiếp sức mọi mặt của Mỹ và NATO thực chất là cuộc chiến tranh ủy nhiệm đã thể hiện sự thay đổi quyền lực dẫn tới sự xáo trộn trật tự thế giới và hình thành thế giới đa cực, đánh dấu sự suy giảm sức mạnh của Mỹ và NATO, làm tăng quyền lực và vai trò của Nga và Trung Quốc.

Sự chuyển dịch quyền lực ngày càng rõ nét từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Trong những thập niên tới, vị thế của châu Á, đặc biệt là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đóng vai trò đầu tàu là động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thế giới. Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực đứng đầu thế giới về quy mô kinh tế, các nguồn lực phát triển kinh

tế (tài nguyên thiên nhiên, dự trữ ngoại hối, nguồn lực con người/thể chế), tốc độ tăng trưởng kinh tế và tiềm năng phát triển kinh tế (độ lớn thị trường và hội nhập kinh tế khu vực). Đây cũng là khu vực có nhiều cường quốc nhất, tập trung 3¹ trong 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; các quốc gia có ảnh

hưởng lớn về chính trị khác như Ấn Độ, Trung Quốc, Indônêxia là các nước đi đầu trong Phong trào không liên kết; ASEAN đang đóng vai trò trung tâm trong các thể chế chính trị/an ninh khu vực. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tập trung nhiều cường quốc quân sự nhất (7/10 cường

quốc quân sự hàng đầu thế giới). Khu vực này lôi cuốn sự tham gia của các nước lớn và định hình trực quan hệ, xu hướng quan hệ quốc tế mới giữa các cường quốc gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ. Những thành tựu của châu Á về tăng trưởng, cùng với những thế mạnh về vốn, dự trữ ngoại tệ, lao động rẻ, tính năng động

Thế giới đang có sự chuyển biến và rõ dần xu thế chuyển dịch và thăng trầm quyền lực trên ba bình diện: Giữa các khu vực, giữa các nước lớn và trong mối quan hệ giữa nhà nước với người dân.

và sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, Ấn Độ đã nâng cao vị thế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương so với những khu vực khác. Bên cạnh vai trò chủ đạo của các nước lớn trong lĩnh vực kinh tế đang suy giảm, các nước nhỏ và vừa ngày càng vươn lên giành vị trí tương xứng của mình. Sự thay đổi trong quan hệ Bắc - Nam, trong đó vai trò của các nước vừa và nhỏ tăng lên đáng kể. Độ lớn về địa lý, quy mô kinh tế và triển vọng phát triển là những nhân tố quyết định để khu vực châu Á - Thái Bình Dương vươn lên trở thành trọng tâm địa chính trị toàn cầu.

1.2 Nguy cơ về một cuộc chiến tranh lạnh ngày càng rõ rệt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự tùy thuộc và lệ thuộc lẫn nhau đang tăng lên. Với tư duy mới về an ninh và phát triển, cùng sự phổ biến của các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt và kinh nghiệm đau thương về chiến tranh, ít có khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc trong những thập niên tới. Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn nhằm sắp xếp lại trật tự thế giới diễn ra phức tạp và căng thẳng dưới nhiều

hình thức, kể cả chiến tranh ủy nhiệm như ở Ukraina làm cho nguy cơ diễn biến thành cuộc chiến tranh lạnh kiểu mới ngày càng rõ nét. Điều này thể hiện trong chính sách chạy đua vũ trang chưa từng thấy giữa Mỹ, Trung Quốc, Nga, NATO kéo theo nhiều nước ở nhiều khu vực khác nhau. Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc rất gay gắt, khó có điểm dừng. Các nước lớn vẫn coi chiến tranh là biện pháp và vũ lực là công cụ quan trọng của chính sách đối ngoại nên vẫn tiếp tục tăng cường vũ trang, cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực “ngoại vi” và tại các điểm nóng trên thế giới. Điều này không nằm ngoài quy luật trong quan hệ quốc tế là các nước lớn chi phối quan hệ quốc tế và cạnh tranh chiến lược với nhau - dựa trên sự thay đổi trong tương quan lực lượng như đã nêu trên.

Do đó, xu hướng cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc tại vị, đại diện là Mỹ và các cường quốc mới nổi, đại diện là Trung Quốc và Nga ngày càng thể hiện rõ nét, nhất là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Mỹ tìm cách đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc nhằm duy trì vị trí

dẫn dắt trật tự thế giới và bảo vệ các lợi ích toàn cầu của Mỹ. Cạnh tranh trong quan hệ Mỹ - Trung và Mỹ - Nga đã tăng lên do: (1) Các bên đều không cho phép bên nào đứng trên mình và đứng đầu, chi phối thế giới; (2) Tương tác giữa hai nước bị chi phối bởi vòng xoáy “hành động - phản ứng” theo hướng leo thang do tình trạng mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau ngày càng trầm trọng; (3) Cả Mỹ và Trung Quốc, Mỹ và Nga theo đuổi lập trường “cứng rắn”; chủ nghĩa dân tộc cực đoan và dân túy làm nổi rõ hơn các khác biệt và va chạm quyền lợi về kinh tế (thâm hụt thương mại), chiến lược (vấn đề Biển Đông, Biển Hoa Đông), trật tự khu vực (các thể chế, kiến trúc khu vực) và giá trị (dân chủ, quyền con người, tự do tôn giáo); (4) “Mô hình quan hệ nước lớn kiểu mới” do Trung Quốc đề xướng bị Mỹ bác bỏ.

Những năm tới đây, Mỹ và Trung Quốc mở rộng cạnh tranh chiến lược và tranh giành ảnh hưởng. Cạnh tranh Mỹ - Trung chủ yếu xoay quanh hai chủ đề: (1) Cạnh tranh vùng ảnh hưởng, nhất là can dự vào các “điểm nóng” tranh chấp trên Biển Đông và Biển Hoa Đông; (2) Cạnh tranh quyền

“tạo dựng luật chơi” về kinh tế giữa các hiệp định và tổ chức thương mại do Mỹ dẫn dắt với Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), sáng kiến “Một vành đai, một con đường” (OBOR) do Trung Quốc khởi xướng; Luật chơi về chính trị - an ninh (giữa cơ chế hợp tác an ninh “trực - nan hoa” do Mỹ ở vị trí trung tâm với các cơ chế hợp tác như: Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), Hội nghị về phối hợp hành động và các biện pháp xây dựng lòng tin ở châu Á (CICA) do Trung Quốc đóng vai trò chủ đạo.

Tuy nhiên, cạnh tranh Mỹ - Trung dù rất quyết liệt nhưng không dẫn đến xung đột trực tiếp và không gây đổ vỡ quan hệ vì Mỹ vẫn có lợi ích và nhu cầu hợp tác với Trung Quốc xuất phát từ các lý do: (1) Mỹ cần duy trì hòa bình và ổn định khu vực để tập trung theo đuổi các mục tiêu đối nội; (2) Tình trạng lệ thuộc lẫn nhau khá lớn, nhất là lĩnh vực kinh tế; (3) Mỹ cần sự hỗ trợ của Trung Quốc để giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực.

Dự báo đến năm 2030 và tiếp nữa là 2045 ít có khả năng xuất hiện một cường quốc có thể thay thế vai trò của

Mỹ mặc dù thế và lực của Mỹ đã bị suy giảm đáng kể. Mỹ vẫn sẽ là tác nhân quan trọng nhất trong số các cường quốc thế giới dựa vào ưu thế vượt trội về sức mạnh so với các nước khác. Nhận định này dựa trên hai lý do: *Một là*, Mỹ vẫn đang dẫn trước các nước khác một khoảng cách lớn về kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ. *Hai là*, những điều chỉnh của Mỹ về cơ cấu kinh tế và quân sự trên cơ sở cách mạng khoa học - công nghệ tạo cho Mỹ một nền tảng khá vững chắc để duy trì vị trí dẫn đầu về lực lượng kinh tế và quân sự, hai nhân tố cơ bản để tạo nên sức mạnh Mỹ trong quan hệ quốc tế.

Có thể nói cuộc “chiến tranh lạnh” nếu diễn ra lần này không đối đầu trực tiếp như Mỹ - Liên Xô trong thế kỷ XX, nhưng không kém phần quyết liệt và nguy hiểm, kéo theo cuộc chạy đua vũ trang vô cùng mạnh mẽ, tốn kém, gây ra những hệ lụy đối với trật tự thế giới, tác động tiêu cực đến quá trình hội nhập quốc tế và đe dọa đến độc lập, chủ quyền của nhiều nước.

1.3 Chủ nghĩa dân túy

Trào lưu dân túy ở các nước phát triển có nguyên nhân trực tiếp từ

khủng hoảng kinh tế - tài chính. Khủng hoảng sau Đại dịch COVID-19 cùng với chiến tranh ở Ucraina đã dẫn đến suy thoái, lạm phát ở nhiều nước phát triển, làm dấy lên tâm lý bất mãn, thất vọng, mất niềm tin của người dân với chính quyền. Đặc biệt, xu hướng dẫn túy diễn ra gần đây bắt nguồn sâu xa từ các hệ lụy tiêu cực của tiến trình toàn cầu hóa đã và đang tác động mạnh mẽ đến các nước phát triển khiến phân tầng xã hội sâu sắc, bất bình đẳng trong xã hội tăng cao và nổi lo lắng về mất bản sắc văn hóa dân tộc nổi lên. Trong bối cảnh đó, dân túy có xu hướng hữu khuynh hoặc cực hữu, tập trung phê phán các chính sách ủng hộ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, mở cửa biên giới, mở cửa xã hội, được dân túy cho là nguyên nhân chính của tình trạng kinh tế trong nước suy giảm, mất việc làm (do hàng xuất khẩu và cạnh tranh từ nước ngoài), mất bản sắc văn hóa dân tộc, và mất an ninh (do người nhập cư).

Chủ nghĩa dân túy hiện nay đang gây ra một số tác động khá tiêu cực. Ở trong nước, dân túy ở phương Tây cổ vũ việc xây dựng một xã hội đồng nhất, một nhà nước mạnh và chuyên

chế, đủ năng lực kiểm soát chặt chẽ hơn lãnh thổ biên giới quốc gia và bảo vệ được lợi ích của người dân trước đe dọa bên ngoài. Nhưng kết quả lại là làm tăng thêm các mâu thuẫn nội bộ, đẩy tình trạng bất mãn lên cao, từ đó tạo ra môi trường chính sách đối nội và đối ngoại rất bất định. Đối với bên ngoài, dân túy thúc đẩy chống liên kết, hội nhập quốc tế và khu vực, giảm ưu tiên, thậm chí ly khai khỏi các thể chế đa phương (như trường hợp Anh rút khỏi EU, Mỹ và nhiều đảng cánh hữu ở Pháp muốn giảm vai trò của NATO), hạn chế và kiểm soát chặt dòng người nhập cư bằng các biện pháp cực đoan, thắt chặt viện trợ quốc tế, thiên về áp dụng các biện pháp bảo hộ cứng rắn để bảo vệ nền sản xuất và việc làm trong nước. Điều này làm giảm hợp tác, tăng cạnh tranh/xung đột, đưa đến những căng thẳng mới trong quan hệ quốc tế. Xu hướng bảo hộ trong quan hệ kinh tế quốc tế là một ví dụ cụ thể.

Tuy nhiên, xu hướng dân túy thường không lâu bền do các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Với lập trường cực đoan, dân túy khó tạo đồng thuận xã hội đối với chính sách mà dân túy đề xuất. Mâu thuẫn chính trị - xã hội

thường tăng lên sau khi dân túy thắng cử và chấp chính; (2) Các lãnh đạo dân túy thường chạy theo đám đông, thậm chí mị dân (hứa hẹn những điều khó thực hiện, chủ yếu phục vụ mục tiêu thắng cử). Do đó, khi không giữ được lời hứa, lãnh đạo dân túy đánh mất niềm tin của dân chúng mà họ đại diện; (3) Với lập trường chống lại chính trị dòng chính, dân túy rất khó tập hợp được sự ủng hộ và tận dụng kinh nghiệm lãnh đạo của tầng lớp tinh hoa mà nó thay thế cũng như huy động bộ máy hành chính vốn là cơ sở của quản lý xã hội hiệu quả. Không ít trường hợp sau khi nắm quyền, các nhà lãnh đạo dân túy dần phải từ bỏ cam kết đã hứa, quay lại đường lối chính trị truyền thống, từ đó mất đi cơ sở xã hội - chính trị của mình; (4) Một số ý kiến cho rằng, dân túy về cơ bản là “phái sinh” của các trường phái chính trị truyền thống, chỉ đại diện cho các “hệ tư tưởng mỏng”, cực đoan và không chính thống, do đó khó có sức hấp dẫn lâu bền.

1.4 Chủ nghĩa bảo hộ

Bảo hộ và tự do hóa là hai xu thế luôn tồn tại trong lịch sử kinh tế thế giới và bảo hộ thường gia tăng sau

những kỳ khủng hoảng kinh tế. Trong những năm qua, chủ nghĩa bảo hộ đã trở dậy mạnh mẽ với các biểu hiện mới như: *Một là*, bảo hộ có xu hướng phát triển mạnh ở các nước phát triển vốn cố vũ cho tự do hóa và toàn cầu hóa; *Hai là*, số lượng biện pháp bảo hộ tăng mạnh, lĩnh vực bảo hộ mở rộng với nhiều biện pháp phức tạp, tinh vi hơn, trong đó việc sử dụng các biện pháp bảo hộ “phía sau biên giới” tăng nhanh. Bảo hộ không chỉ giới hạn trong lĩnh vực trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ mà còn bao gồm cả tài chính, bảo hộ đầu tư, sở hữu trí tuệ, dịch chuyển tự do lao động...; *Ba là*, chính sách bảo hộ mang nặng tính dân túy. Các chính sách, biện pháp hạn chế thương mại gần đây được dựng lên ở một số nước thường dựa trên những đánh giá, nhận định phiến diện, thiếu cân bằng, thậm chí cực đoan của các lực lượng chính trị dân túy về thương mại, đầu tư, di chuyển lao động quốc tế.

Xu hướng bảo hộ quay trở lại có thể do một số nguyên nhân: *Một là*, kinh tế toàn cầu và ở nhiều nước, nhất là ở các nước phát triển, gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó, nhiều nước

đã lựa chọn chính sách kích thích kinh tế, tăng cường hỗ trợ sản xuất trong nước với tâm lý hưởng nội nhiều hơn để tập trung khắc phục khó khăn trong nước, từ để làm giảm động lực tự do hóa và mở cửa kinh tế; *Hai là*, tác động “nghịch” ngày càng lớn của toàn cầu hóa kinh tế đã thúc đẩy trào lưu chống toàn cầu hóa phát triển mạnh ở nhiều nước phát triển; *Ba là*, sự trở dậy của trào lưu dân túy, bất ổn chính trị - xã hội và an ninh đã góp phần thổi bùng chủ nghĩa bảo hộ.

Xu hướng dân túy và bảo hộ đang và sẽ ảnh hưởng mạnh đến tiến trình phục hồi kinh tế thế giới và khu vực; đồng thời có ảnh hưởng trực tiếp và nhiều mặt đến quá trình hội nhập quốc tế. Việc quay trở lại chủ nghĩa bảo hộ, đóng cửa thị trường, hạn chế liên kết kinh tế, giảm sự ủng hộ đối với tự do thương mại đa phương, cản trở thương mại và đầu tư quốc tế đã và đang tạo ra hệ lụy tiêu cực đến tiến trình tăng trưởng kinh tế thế giới và làm chậm lại quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng. Bên cạnh đó, xu hướng bảo hộ quay trở lại ở một số nền kinh tế lớn có thể làm tăng thêm mâu thuẫn, bất đồng vốn có về một số

vấn đề kinh tế - thương mại, do đó làm gia tăng va chạm lợi ích, tất yếu dẫn đến chiến tranh thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung hiện nay là một minh chứng. Chủ nghĩa bảo hộ cùng với xu hướng dân túy tác động tiêu cực đến liên kết kinh tế toàn cầu và khu vực và làm chậm quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

1.5 Sự suy giảm vai trò của các cơ chế đa phương

Sự nổi lên của làn sóng dân túy và chủ nghĩa bảo hộ kết hợp với việc đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc đã và đang tác động lớn đến các cơ chế hợp tác đa phương. Nhiều nước giảm cam kết với các thể chế đa phương, tăng tiếp cận song phương, thậm chí đơn phương. Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ tác động rất lớn đối với trật tự quốc tế và các cơ chế hợp tác đa phương. Với khuôn khổ chính sách đối ngoại được xây dựng với phương châm “nước Mỹ trên hết” dựa trên hai thành tố cơ bản là “hòa bình dựa trên sức mạnh” và “giao dịch”, những gì chính phủ Mỹ đã và đang thể hiện cho thấy một sự thay đổi có tính chất bước ngoặt. Đó là: (1) Ưu tiên song phương, giảm can dự vào các thể chế đa phương về kinh tế và

ngoại giao. (2) Ưu tiên cách tiếp cận “hòa bình dựa trên sức mạnh” thông qua tăng chi phí quân sự, tăng sự hiện diện quân sự ở khu vực, kể cả “quân sự hóa” bộ máy hoạch định chính sách an ninh, coi việc sử dụng vũ lực là một công cụ quan trọng của chính sách đối ngoại...; (3) Bao trùm hơn là cách tiếp cận ưu tiên đối nội, giảm nhẹ đối ngoại theo chủ trương “quay vào bên trong (tập trung xử lý các vấn đề trong nước, nhất là tăng trưởng kinh/tế tạo việc làm, đối phó với chia rẽ và mâu thuẫn nội bộ).

Sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ kéo theo sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn khác, nhất là Trung Quốc, Nga, Nhật Bản... làm phức tạp và gia tăng biến động trong quan hệ quốc tế. Quan hệ giữa các nước ngày càng có xu hướng “cá nhân hóa” dựa vào sự lựa chọn ưu tiên và tác phong chính trị của các cá nhân lãnh đạo, xu hướng mặc cả thỏa hiệp bí mật giữa các nước, nhất là các nước lớn tăng lên. Các nước, nhất là các nước nhỏ, một mặt vẫn tiếp tục dựa vào các cơ chế đa phương và luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia của mình, nhưng mặt khác vẫn phải chuẩn bị các

biện pháp ứng phó trước những vận động khó lường giữa đấu tranh và thỏa hiệp giữa các nước lớn.

II. NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

2.1 Những yêu cầu đặt ra do sự tác động từ bối cảnh thế giới, khu vực trong thời gian tới

2.1.1. Hòa bình, hợp tác và dân chủ vẫn là xu thế trong quan hệ quốc tế nhưng đang đứng trước những thách thức lớn đòi hỏi phải có sự ứng phó hợp lý

Xu thế thế giới đa cực, đa trung tâm ngày càng định hình rõ nét, đẩy thế giới lâm vào trạng thái mất trật tự. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển của kinh tế thế giới đang có dấu hiệu chuyển dần sang các nước đang phát triển, từ phương Tây sang phía Đông và từ phía Bắc xuống phía Nam. Điều này làm cho các nước đang phát triển sẽ thu được

nhiều thành công và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý. Tuy nhiên quá trình đa cực hóa thế giới kéo theo nhiều mâu thuẫn và gây nhiều biến động, kể cả xung đột, làm cho quá trình dân chủ hóa trong đời sống và

Xu thế thế giới đa cực, đa trung tâm ngày càng định hình rõ nét, đẩy thế giới lâm vào trạng thái mất trật tự. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển của kinh tế thế giới đang có dấu hiệu chuyển dần sang các nước đang phát triển, từ phương Tây sang phía Đông và từ phía Bắc xuống phía Nam. Điều này làm cho các nước đang phát triển sẽ thu được nhiều thành công và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý.

quan hệ quốc tế đứng trước những đố vỡ nghiêm trọng. Trong một thế giới “mất trật tự”, các hình thức như: bao vây, cấm vận, trừng phạt kinh tế, chính trị diễn ra thường xuyên, phá vỡ mọi quy định và luật lệ nhiều năm mới xác lập được. Trong điều kiện đó, các quốc gia nhỏ tham gia vào các vấn đề quan hệ quốc tế, đặc biệt trong khuôn khổ Liên hợp quốc và các tổ chức ở khu vực gặp nhiều khó khăn hơn. Nhiều cơ chế hợp tác đa phương được hình thành mới nhưng

cũng có những tổ chức tưởng rất vững chắc lại bị thử thách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là các tổ chức này có chức năng chông chéo, tính ràng

buộc thấp, hiệu quả hợp tác hạn chế. Cuộc chiến ở Ukraina với hàng nghìn lệnh trừng phạt đối với các nước cả hai bên chiến tuyến dẫn tới sự lo ngại rằng mọi lẽ phải đều dễ bị triệt tiêu bởi cường quyền và sức mạnh. Điều kiện chiến tranh đã vậy, nhưng ngay trong điều kiện không có chiến tranh, với sự trỗi dậy của trào lưu dân túy và quá đề cao lợi ích quốc gia như kiểu “nước Mỹ trên hết”, ngay cả EU là tổ chức tưởng như vững chắc nhất cũng sẽ gặp nhiều xáo trộn. Sẽ có khả năng một số nước nhỏ và nghèo được kết nạp vào tổ chức này nhưng một số nước giàu có lại theo nước Anh để rút khỏi tổ chức để tự do thực hiện những định hướng phát triển của mình.

2.1.2 Cần nắm bắt và khắc phục những yếu tố bất ổn định trong khu vực

Châu Á - Thái Bình Dương đã và sẽ là khu vực có khả năng xảy ra nhiều biến động nhất và những biến động này sẽ tác động mạnh trên phạm vi toàn cầu. Các yếu tố tác động bao gồm: *Một là, dân số đông nhất:* Dân số khu vực gần 4 tỷ người, gấp 8-10 lần EU, chiếm hơn một nửa dân số thế giới; có 4 trong số những quốc gia đông dân nhất thế giới là Trung Quốc,

Ấn Độ, Mỹ và Indonesia. *Hai là, xã hội đa dạng nhất về hình thái ý thức,* trình độ phát triển, văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử, tư duy, tập hợp gần hết các nền văn minh thế giới. *Ba là, môi trường chính trị/xã hội đang chuyển động nhanh chóng, phức tạp* theo hướng đô thị hóa, dân chủ hóa, trung lưu hóa, cá nhân hóa, và cả bản cùng hóa - là khung cảnh thuận lợi cho các trào lưu dân tộc cực đoan, dân túy phát triển. *Bốn là, chế độ chính trị đa dạng nhất* và đang ở trong giai đoạn chuyển tiếp sang dân chủ hóa. *Năm là, có sự hiện diện của nhiều nước lớn nhất,* nổi bật là Mỹ và Trung Quốc. *Sáu là, thiếu một cơ chế/trật tự an ninh,* kinh tế bao trùm để điều hòa quan hệ giữa các nước trong khu vực. *Bảy là, sự đan xen của các yếu tố đối nội và đối ngoại,* các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, và sự tồn tại lúc âm ỉ, lúc bùng phát của các điểm nóng khu vực (Biển Đông, Biển Hoa Đông, Đài Loan...) và các tranh chấp về tài nguyên. Kết quả là quan hệ quốc tế trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương vận động nhanh và biến động khó lường. Điều chỉnh chính sách và cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn khu vực châu Á -

Thái Bình Dương tác động tiêu cực đến quá trình hợp tác, phát triển, hội nhập quốc tế.

Trong môi trường an ninh bất định của khu vực châu Á - Thái Bình Dương như vậy, cộng thêm sự cạnh tranh quyền lực, chiến tranh thương mại căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung tác động nhiều chiều đến quá trình hội nhập quốc tế, buộc các nước khác trong khu vực phải điều chỉnh chính sách đối ngoại dựa trên cơ sở tiềm lực và lợi ích quốc gia. Các nước lớn như Nga, Nhật Bản, Ấn Độ can dự nhiều hơn vào khu vực để tăng cường ảnh hưởng và hiện diện. Các quốc gia vừa và nhỏ trong khu vực bị chi phối nhiều và buộc phải tìm cách áp dụng chính sách linh hoạt, thực dụng trong quan hệ với các nước lớn, vừa lợi dụng các cơ hội, vừa “phòng ngừa” các thách thức trong quan hệ Mỹ - Trung. Xu hướng chung là hợp tác với Trung Quốc vì lợi ích kinh tế, tranh thủ với Mỹ về mặt an ninh/quốc phòng. Đó cũng chính là các yếu tố góp phần làm giảm sút vai trò cộng đồng đoàn kết của ASEAN và tác động đến từng nước trong nội khối.

2.1.3 Khắc phục những khó khăn vướng mắc trên quy mô toàn cầu

Thứ nhất, kinh tế thế giới phục hồi chậm.

Kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế - sau đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới đã phục hồi nhưng phát triển chậm và chưa vững chắc. Điều này thể hiện ở chỗ: (i) mức độ tăng trưởng thấp. Mức tăng trưởng năm 2022, 2023 chỉ đạt khoảng trên dưới 3%, là mức thấp nhất kể từ năm 2008 - 2009; các nền kinh tế lớn đều bị kẹt trong “bẫy tăng trưởng thấp”. (ii) Đầu tư và thương mại vẫn nằm trong xu hướng giảm. FDI toàn cầu giảm sút; thương mại toàn cầu tăng chậm lại; (iii) Liên kết kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại và liên kết khu vực tăng mạnh; đàm phán Doha của WTO, đàm phán RCEP/TTIP tiếp tục bế tắc hoặc chưa có đột phá.

Thứ hai, những thay đổi theo hướng tiêu cực trong các quan hệ quốc tế và hợp tác kinh tế quốc tế ở một số nước phát triển.

Lợi dụng sự bất mãn và tâm lý thất vọng của người dân trước những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa/tự do hóa kinh tế và khủng hoảng kinh tế, trào lưu dân túy đã giành thắng lợi trong bầu cử để lên nắm quyền, từ đó

đưa đến những thay đổi lớn theo hướng tiêu cực trong chính sách hội nhập quốc tế và hợp tác kinh tế quốc tế. Một trong những nội dung chính của dân túy là lập trường “chống toàn cầu hóa,” “chống hội nhập,” “chống nhập cư”; chống “chủ nghĩa tư bản tự do”. Biểu hiện chính sách là quay vào bên trong (rút cam kết/giảm nghĩa vụ quốc tế và giảm ủng hộ đối với các cơ chế đa phương về chính trị và kinh tế - là những nền tảng luật lệ tạo ra trật tự quốc tế và theo đó là sự ổn định trong quan hệ quốc tế).

Dân túy đã thắng thế ở nhiều nước lớn. Xu hướng chính sách hiện nay là:

- (i) Các nước, nhất là các nước lớn quay về bên trong, phục vụ lợi ích vị kỷ của mình một cách cực đoan hơn;
- (ii) Giảm cam kết với các cơ chế đa phương như TPP và ASEAN, coi trọng các cơ chế song phương hơn;
- (iii) Tăng cường các biện pháp bảo hộ mậu dịch; và (iv) Tăng cường cạnh tranh quyền lực phục vụ các mục tiêu lợi ích quốc gia vị kỷ, nhất là đẩy mạnh cạnh tranh vùng ảnh hưởng, tranh chấp lãnh thổ và nguồn tài nguyên. Hệ quả là xu thế toàn cầu hóa, dân chủ hóa, hợp tác cùng phát triển đang bị

chững lại, không thuận cho các chính sách thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Thứ ba, cạnh tranh nước lớn gia tăng.

Các nước lớn và các trung tâm của thế giới như: Mỹ, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ với quốc lực mạnh đều đề cao tinh thần nước lớn củng cố và mở rộng khu vực vùng ảnh hưởng của mình, từ đó làm cho cạnh tranh lợi ích tăng lên, làm cho sản xuất, thương mại, đầu tư và hội nhập quốc tế có nguy cơ bị chậm lại. Xu hướng gia tăng cạnh tranh quyền lực và ảnh hưởng giữa các nước lớn, kèm theo đó là sự tập hợp lực lượng xoay quanh trục quan hệ Mỹ - Trung sẽ đặt Việt Nam vào “thế kẹt,” theo đó: (i) Chính trị cường quyền sẽ phát triển ở mức mới, đấu tranh và hợp tác giữa các nước lớn gây tác động trực tiếp đến Việt Nam (nhất là khả năng nước lớn mặc cả trên lưng Việt Nam), từ đó làm cho: (ii) Súc ép phải lựa chọn bên này hay bên khác sẽ nhiều hơn, cả về thời điểm và lĩnh vực; (iii) Nhu cầu duy trì thống nhất và đồng thuận nội bộ trong việc nhìn nhận các đối tượng/đối tác của Việt Nam cũng gặp nhiều trở ngại hơn.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Phu nhân tại lễ đón Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình và Phu nhân trong chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam _ Ảnh: TTXVN

Thủ tục, sản xuất, thương mại, đầu tư có khả năng bị ảnh hưởng; cải cách thể chế kinh tế và hội nhập quốc tế có nguy cơ chậm lại.

Đối với kinh tế trong nước, các ngành hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, giấy da, nông - thủy sản có thể bị tác động nhiều nhất, bởi đây là nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn sang Mỹ và châu Âu (chiếm 40% thị phần), dễ bị áp đặt các biện pháp bảo hộ, rào cản kỹ thuật. Về đầu tư,

xu hướng di chuyển sản xuất về nước của các tập đoàn hàng đầu, nhất là Mỹ, có thể hạn chế việc mở rộng đầu tư ở Việt Nam, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn, công nghệ của các tập đoàn hàng đầu. Trong khi đó, trì trệ trong một số liên kết kinh tế khu vực quan trọng có thể khiến Việt Nam lỡ cơ hội mở rộng thị trường và tiếp cận công nghệ.

2.2 Những yêu cầu đặt ra từ các yếu tố trong nước

2.2.1 Về thể chế còn có những nơi cộm nên cần hoàn thiện thể chế

Việt Nam đang tích cực hoàn thiện thể chế, luật pháp theo hướng ngày càng gần và tương đồng với các thể chế quốc tế, chỉ có như vậy mới có thể hội nhập thực sự và có hiệu quả, chiếm được lòng tin của các đối tác và của các tổ chức quốc tế. Sẽ tới lúc cả thế giới, trong đó là tất cả các nền kinh tế lớn đều công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Khi ấy, thể chế kinh tế của Việt Nam cũng đã tương đối hoàn thiện và đồng bộ phù hợp với thể chế kinh tế thị trường chung của thế giới. Cùng với thể chế kinh tế, thể chế lĩnh vực chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh cũng còn có những điều chỉnh và hoàn thiện nhất định. Tất cả đều có ảnh hưởng không nhỏ đến việc chúng ta kiên quyết, kiên trì ý thức chính trị, định hướng xã hội chủ nghĩa và liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập.

2.2.2 Cần khắc hiện tượng “chưa thuộc bài” và “thiếu thuốc đề kháng” vẫn là điểm nghẽn trong quan hệ kinh tế quốc tế

Việc “chưa thuộc bài” thể hiện rất rõ trong hội nhập kinh tế. Đó là việc sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu không đủ tiêu chí, hiệu quả không cao; không làm chủ được tình hình, thiếu chủ động và thiếu bền vững. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) rất khá nhưng giải ngân quá chậm, đa số công nghệ trung bình và lạc hậu, thiếu liên thông với các ngành kinh tế trong nước, gây ô nhiễm môi trường.

“Thiếu thuốc đề kháng” thể hiện rất rõ trong việc du nhập văn hóa, từ phim ảnh, nghệ thuật, âm nhạc đến truyền thông, nhất là mạng xã hội. Sự thiếu chuẩn bị về cách thức và mức độ hội nhập trong lĩnh vực này có nguy cơ dẫn tới việc nhiều loạn thông tin, phải trái, đúng sai lẫn lộn, làm mờ nhạt một số giá trị truyền thống và gây ra những dư luận xã hội lệch lạc.

2.2.3 Yêu cầu tăng cường hơn nữa thực lực của nền kinh tế đất nước

Trong những năm qua, nền kinh tế đã có bước phát triển nhưng vẫn thiếu bền vững, sức cạnh tranh thấp, nguy cơ tụt hậu càng rõ hơn. Các thành phần kinh tế phát triển thiếu đồng bộ và thiếu gắn kết. Nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh

yếu kém, có nhiều sai phạm; các doanh nghiệp tư nhân chủ yếu là vừa và nhỏ, một vài doanh nghiệp lớn phát triển dựa vào kinh doanh bất động sản; hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu là của các doanh nghiệp FDI. Các ngành sản xuất cũng có nhiều hạn chế, công nghiệp cơ khí, chế tạo còn nhiều yếu kém, nông nghiệp cơ bản vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, năng suất thấp; các ngành dịch vụ đã có khởi sắc nhưng chưa đáp ứng nhu cầu. Nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực được đào tạo còn ở mức thấp. Năng lực quản lý, nắm bắt thông tin, làm chủ tình huống trong các doanh nghiệp và các ngành xuất nhập khẩu chưa đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới.

2.2.4 Yêu cầu nâng tầm nội lực để tiếp thu và tận dụng nguồn lực đang ngày càng tăng lên.

Nội lực, vấn đề quan trọng hàng đầu, quyết định những chủ trương lớn và đối ngoại và chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đối ngoại. Để phát triển nội lực, nâng cao vị thế của đất nước và năng lực hoạch định cũng như triển khai công tác đối ngoại, vấn đề mới đặt ra là tận dụng

hiệu quả của các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVTA có nhiều nội dung và yêu cầu chưa hề có trong tiền lệ, đòi hỏi chúng ta phải có sự chuẩn bị hết sức tích cực trong nội bộ, từ các ngành, các cấp ở Trung ương đến các địa phương, đơn vị, các doanh nghiệp. Chỉ có sự chuẩn bị thật thấu đáo mới có thể tận dụng tối đa lợi ích từ những FTA này, giảm thiểu những mặt trái, nâng cao năng lực hội nhập của đất nước.

Những biểu hiện khác đang gia tăng mạnh mẽ trên thế giới như cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, phát triển không gian mạng, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang làm cho thế giới có những thời cơ mới và thách thức mới đối với mọi nước. Cần nhận thức đúng tình hình để tập hợp lực lượng, nâng tầm năng lực tổng thể của đất nước mới có thể tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, làm tròn nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới.

Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý và kiến tạo của Nhà nước là cội nguồn của mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng và sự điều hành quản lý của Nhà nước, Việt Nam sẽ có đường lối, chính sách và những quyết sách đúng đắn, bước đi thích hợp để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng tầm vị thế của đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ; “Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”, “đĩ bất biến, ứng vạn biến”. Theo phương châm đó, cái “bất biến” chính là lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và xây dựng Tổ quốc. Cái “vạn biến” chính là cách ứng phó linh hoạt, mềm dẻo, thậm chí chấp nhận hòa hoãn tạm thời để xử lý các vấn đề. Điều quan trọng là phải đánh giá đúng tình hình quốc tế và sự tác động đối với nước ta, cả thuận lợi và mặt bất lợi.

Vận dụng phương châm “Ngũ tri” (biết mình, biết người, biết thời thế,

biết tiến, biết lui) trong việc hoạch định và đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là rất cần thiết trong tình hình mới. Biết mình là hiểu rõ lợi ích của đất nước, của quốc gia và tiềm lực tổng hợp của mình, những điểm mạnh và yếu của mình để dự liệu cho các quan hệ với bên ngoài. “Biết người” là đánh giá đúng lợi ích, mục đích, khả năng, phương thức thực hiện lợi ích của đối tác. “Biết thời thế” là nắm chắc, dự báo đúng tình hình quốc tế, khu vực để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức đi tới. “Biết tiến” đúng lúc để tận dụng cơ hội, “biết lui” đúng lúc để tìm phương thức xử lý thích hợp. Tiếp tục phát huy thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta tin tưởng rằng đất nước ta ngày càng tiến bước vững chắc thực hiện thành công mục tiêu cao đẹp “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” ■

¹ Gồm: Trung Quốc, Nga, Mỹ.

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

● PGS, TS TRẦN KHẮC VIỆT

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Hoàn thiện lý luận về Đảng cầm quyền trong quan hệ với Đảng lãnh đạo trong điều kiện ở nước ta chỉ có một đảng chính trị và Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền

Đây là vấn đề lý luận gốc, cốt lõi, chi phối toàn bộ hệ thống lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong những năm tới. Cho đến nay, công tác nghiên cứu lý luận đã làm rõ một số nội dung lý luận cơ bản về Đảng cầm quyền, nhưng vẫn cần chỉ ra được một cách đầy đủ, tường minh sự giống nhau và sự khác biệt, mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Đảng lãnh đạo trong điều kiện ở nước ta chỉ có một Đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền, cùng với nó là nội hàm của các khái niệm “Đảng lãnh đạo, cầm quyền”, “năng lực lãnh đạo”, “năng lực cầm quyền”, “năng

lực lãnh đạo, cầm quyền”, “phương thức lãnh đạo”, “phương thức cầm quyền”, “phương thức lãnh đạo, cầm quyền” của Đảng; quan hệ giữa Đảng cầm quyền với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền; các thuận lợi và nguy cơ đối với Đảng cầm quyền; v.v..

2. Bổ sung, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng

Từ Đại hội VII của Đảng (năm 1991), Đảng ta đã khẳng định đúng đắn: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Tuy nhiên, sau gần 40 năm đổi mới, trên cơ sở kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, đến nay, tư duy lý luận của

Đảng, hệ thống lý luận về đường lối đổi mới - trọng tâm là lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - đã được hình thành, phát triển thành hệ thống toàn diện, thể hiện rõ vai trò định hướng, dẫn dắt hiệu quả công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, xứng đáng là một bộ phận cấu thành cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hợp thành nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị khóa XII đã khẳng định: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”. Đương nhiên, để bổ sung thành tố này, cần xác định chính xác khái niệm “lý luận về đường lối đổi mới Việt Nam”, đồng thời chuẩn xác hóa thêm các khái

niệm “chủ nghĩa Mác - Lênin”, “tư tưởng Hồ Chí Minh”.

3. Thống nhất quan niệm và hoàn thiện nội dung các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng

Trước hết, thống nhất quan niệm về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng

Từ Đại hội X của Đảng, cùng với việc tiếp tục khẳng định ba nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất, Đảng ta đã bổ sung hai nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Từ đó đến nay, các văn kiện của Đảng sử dụng phổ biến mệnh đề “các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng”. Tuy nhiên, ở một số văn kiện lại viết “các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng”, đặc biệt văn kiện Đại hội XIII của Đảng còn dùng thêm khái niệm “các nguyên tắc xây dựng Đảng”. Vì vậy, cần thống nhất các nguyên tắc theo hướng: hoặc gộp chung thành “các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng”, hoặc tách thành “các nguyên tắc xây dựng Đảng” (điều chỉnh nội bộ đảng) và “các nguyên tắc hoạt động của Đảng”



Toàn cảnh Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện kết luận và quy định của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Hội nghị được tổ chức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến với các điểm cầu các bộ, ngành, địa phương trong cả nước tại điểm cầu phòng họp Diên Hồng, tòa nhà Quốc hội do Bộ Chính trị tổ chức _ Ảnh: TCCS

(điều chỉnh quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và xã hội).

Hai là, bổ sung, hoàn thiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng

Nghiên cứu, bổ sung vào nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân nội dung “Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những

quyết định của mình” như đã được khẳng định tại khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013.

Nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc “dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng”. Chủ trương “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng” đã được ghi trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 9 khóa VII ngày 06-11-1995¹ về bổ sung, sửa đổi Điều

lệ Đảng, trong Điều lệ Đảng do Đại hội VIII của Đảng thông qua², cho đến Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 331-TB/TW ngày 06-5-2010 về việc xuất bản Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991 - 2011)³. Trong một số văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị những khóa gần đây đã đề cập các khía cạnh về nhân dân giới thiệu, giám sát đảng viên; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng... Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định lại chủ trương “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng”. Vì thế, có thể nghiên cứu, nâng “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng” từ chủ trương, phương châm lên thành một nguyên tắc xây dựng Đảng. Khi trở thành nguyên tắc, Đảng sẽ có hệ thống các quy chế, quy định cụ thể để thực hiện.

Ba là, thống nhất quan niệm và hoàn thiện thêm nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, nhưng trong diễn đạt ở một số văn kiện của Đảng

hiện chưa thật thống nhất, có thể gây ra những cách hiểu khác nhau. Chẳng hạn, nhiều văn kiện ghi “nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, có văn bản ghi “nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, “chế độ tập trung dân chủ”. Do đó, cần thống nhất quan niệm về nguyên tắc và nội dung của nguyên tắc. Đồng thời, cần nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện thêm nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, nhất là các nội dung liên quan đến những thay đổi trên thực tế về hệ thống tổ chức đảng; công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu; v.v..

4. Hoàn thiện lý luận và xây dựng đồng bộ các chiến lược xây dựng Đảng trên các mặt

Lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nội dung cơ bản trong các phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng trên các mặt. Để có tầm nhìn xa trong những thập niên đầu ở 100 năm thứ hai của Đảng, tạo thế chủ động và tính đồng bộ trong công tác xây dựng Đảng, nên xây dựng một số chiến lược xây dựng Đảng trên các mặt chủ yếu.

Đến nay, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ta đã xây dựng, ban hành các chiến lược: Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (từ Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, tháng 6-1997; Hội nghị Trung ương 9 khóa X tháng 01-2009 đã tổng kết 10 năm thực hiện), Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030 (ban hành kèm theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 18-4-2022 của Bộ Chính trị). Tuy nhiên, có một số chủ trương về xây dựng chiến lược trong công tác xây dựng Đảng đã ghi trong nghị quyết của Đảng, nhưng đến nay vẫn chưa được thực hiện, như: Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và Chiến lược quốc gia về nhân tài (nêu từ Hội nghị Trung ương 9 khóa X)⁴; Chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới (nêu từ Đại hội X của Đảng⁵; tháng 8-2009 Ban Tuyên giáo Trung ương đã trình Đề án “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, nhưng chưa được Bộ Chính trị thông qua); v.v.. Vì vậy, đã đến lúc cần xây dựng và ban hành đồng bộ các chiến lược chủ

yếu trong xây dựng Đảng: Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng; Chiến lược cán bộ của Đảng; Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Chiến lược công tác dân vận của Đảng. Trong từng chiến lược đó, cần đổi mới tư duy lý luận, xác lập các quan điểm lý luận mới, những định hướng nhận thức và hành động phù hợp với bối cảnh mới của tình hình thế giới, của công cuộc đổi mới đất nước và của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cả hệ thống chính trị trong những năm cuối thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng phải bảo đảm đáp ứng cả yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số báo chí, sự phát triển của thông tin - truyền thông, nhất là mạng xã hội...

Chiến lược cán bộ phải giải quyết được các vấn đề lớn: nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo đảng, chính quyền, chuyên môn ở một số loại hình tổ chức; bố trí một số chức danh không phải là người địa phương; đổi

mới cơ chế bầu cử, bổ nhiệm; vấn đề thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý; thu hút, sử dụng nhân tài; v.v..

Chiến lược công tác dân vận của Đảng phải thể hiện đầy đủ các quan điểm: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; v.v..

Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải chế định hóa, cụ thể hóa quan điểm về kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước, trách nhiệm nêu gương, xây dựng Đảng về đạo đức...

5. Hoàn thiện lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Trong những năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã rất chú trọng vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, từng bước làm rõ lý luận về phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới phương

thức lãnh đạo của Đảng. Tuy vậy, lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng vẫn cần hoàn thiện.

Một là, làm rõ, đi tới xác định đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là một mặt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cùng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ

Thực tiễn xây dựng Đảng và hoạt động lãnh đạo của Đảng ngày càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc khắc phục hạn chế lớn nhất và kéo dài của Đảng là tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương là khâu yếu nhất. Xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ không thể đạt kết quả cao như mong muốn, nếu không đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong báo cáo về công tác xây dựng Đảng tại của các đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng những nhiệm kỳ gần đây đều có riêng một mục về phương thức lãnh đạo của Đảng và Hội nghị Trung ương 5 khóa X (tháng 7-2007), Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII (tháng 10-2022) đã ban hành nghị quyết chuyên đề về đổi mới

phương thức lãnh đạo của Đảng, để cập những nội dung cụ thể về phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Những điều đó đủ cơ sở để xác định đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là một mặt không thể thiếu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Hai là, nghiên cứu, xác định rõ khái niệm, nội hàm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Cùng với việc làm rõ, hoàn thiện lý luận về Đảng cầm quyền, lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được làm sáng tỏ hơn. Trên bình diện tổng quát nhất, có thể xác định: Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là toàn bộ các cách thức, hình thức, biện pháp, quy trình, quy chế, quy định, lễ lối làm việc... mà Đảng sử dụng quyền lực của Đảng cầm quyền để tác động, chi phối Nhà nước và xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, xứng đáng với vai trò, vị thế và trách nhiệm của Đảng duy nhất cầm quyền.

Về nội hàm của phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có thể xác

định trên hai bình diện tổng thể và cụ thể.

Trên bình diện tổng thể, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng gồm các nội dung chính sau: (1) Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng Cương lĩnh, chiến lược, nghị quyết và định hướng chủ trương, chính sách lớn; bằng đa số đảng viên trong cơ quan nhà nước để lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện; bằng đa số đảng viên trong cơ quan lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để lãnh đạo các tổ chức này xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức mình và tổ chức thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật. (2) Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức trong hệ thống chính trị và cả xã hội tán thành, ủng hộ và tích cực thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. (3) Đảng lãnh đạo, cầm quyền thông qua các tổ chức đảng trong các tổ chức của hệ thống chính trị; bằng việc giới thiệu

những đảng viên ưu tú có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ứng cử các chức danh chủ chốt trong các cơ quan lãnh đạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị; Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức và công tác cán bộ của cả hệ thống chính trị. (4) Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng pháp luật và công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. (5) Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, nhất là cấp ủy viên, đảng viên ở cương vị người đứng đầu trong các tổ chức của hệ thống chính trị. (6) Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng việc sử dụng các hình thức, biện pháp, quy trình, quy chế, quy định, lễ lối làm việc cụ thể thích hợp, có hiệu quả.

Trên bình diện cụ thể, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng thể hiện ở những phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với các tổ chức (tổ chức đảng, cơ quan nhà nước,

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp); ở phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội (chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...); ở phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ở từng cấp (Trung ương, cấp tỉnh và tương đương, cấp huyện và tương đương, cấp cơ sở).

Việc hoàn thiện lý luận về phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng không chỉ nhằm xác định rõ và đúng nội hàm, mà còn tạo lập sự thống nhất, khắc phục những khác biệt hiện nay trong trình bày, đề cập về phương thức lãnh đạo của Đảng ở các văn kiện khác nhau của Đảng, như: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* nêu 07 phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; Điều lệ Đảng do Đại hội XI của Đảng thông qua nêu 05 phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội;

Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng chỉ nêu 03 phương thức lãnh đạo của Đảng; Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng nêu 05 phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước.

Đương nhiên, tất cả các phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng nêu trên mới chỉ là những định hướng lớn, cần được nghiên cứu, hoàn thiện và cụ thể hóa hơn nữa.

Đặc biệt, cần tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để xác định chính thức một nội dung trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là: Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng việc sử dụng các hình thức, biện pháp, quy trình, quy chế, quy định, lễ lối làm việc cụ thể thích hợp, có hiệu quả gắn với cải cách hành chính đảng và chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của tổ chức, cơ quan đảng - nội dung mà nhiều văn kiện của Đảng đã đề cập ở các mức độ này hay mức độ khác.

6. Gắn việc hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Với tư cách của một Đảng cầm quyền và từ thực tế là trong tất cả các tổ chức thuộc hệ thống chính trị ở các cấp đều có tổ chức đảng; người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị đó đều là cấp ủy viên, đảng viên, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đương nhiên gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là xây dựng, chỉnh đốn tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Theo đó, việc hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải gắn với việc hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có những đặc điểm riêng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động, nên việc hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn các cơ quan, tổ chức này phải chú ý các đặc điểm đặc thù của từng cơ quan, tổ chức.

Để thực hiện tốt việc gắn hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng với hoàn thiện lý luận về xây dựng, chỉnh đốn cả hệ thống chính trị trước hết cần nghiên cứu, làm rõ và thống nhất một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, lý luận về mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

Vấn đề này đã được đặt ra từ lâu, được nghiên cứu khá công phu và đi tới những khẳng định về lý luận, nhưng vẫn còn là vấn đề lớn cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện về lý luận; chẳng hạn, có ý kiến đề xuất điều chỉnh thứ tự của ba thành tố trong cơ chế để trở lại với “cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý” đã từng được Đảng ta xác định từ Chỉ thị số 81-CT/TW ngày 10-11-1979 của Ban Bí thư⁶ và được sử dụng liên tục cho đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VI (tháng 12-1987)⁷; gần đây nhất, trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng có công thức diễn đạt: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ”⁸.

Hai là, làm rõ lý luận về mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị; tiếp tục xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và cả hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Hiện đang có khá nhiều vướng mắc trong cơ chế hoạt động của các tổ chức liên quan đến mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Muốn “trên dưới đồng lòng”, “đọc ngang thông suốt”, “tiền hô hậu ủng”, ngoài công tác tư tưởng, cần chấn chỉnh lại tổng thể tổ chức bộ máy của Đảng và cả hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng công kênh, nhiều tầng nấc trung gian, trách nhiệm không thật rõ ràng và hợp lý, dựa dẫm, đùn đẩy lẫn nhau, né tránh việc khó, khó quy kết được trách nhiệm khi để chậm trễ công việc và để xảy ra sai phạm. Vì thế, rất cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để hình thành lý luận thật sự khoa học về mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị nước ta phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, làm rõ lý luận về quan hệ giữa các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng với các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên tắc tổ chức

và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội

Trong hệ thống chính trị nước ta, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc trong mỗi hệ thống tổ chức rất đa dạng. Trong Đảng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng ở các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng lại áp dụng chế độ thủ trưởng. Theo Hiến pháp, Nhà nước thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng nguyên tắc tập trung dân chủ chủ yếu được thực hiện ở Quốc hội, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp còn ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp và một số cơ quan nhà nước khác lại thực hiện chế độ thủ trưởng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ; các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong khi đó, trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đều có tổ chức đảng; các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp.

Bốn là, làm rõ lý luận về Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị

Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị là vấn đề đặc biệt hệ trọng, là một nội dung trọng yếu trong hoạt động của Đảng cầm quyền. Hiện nay, trong các tổ chức, cơ quan thuộc hệ thống chính trị thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm soát theo quy định: trong Đảng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát; Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện chức năng giám sát; Chính phủ, các bộ, ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng thanh tra; viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp; một số cơ quan nhà nước thực hiện chức năng điều tra; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát. Vấn đề đặt ra là cần tạo lập sự thống nhất, phối hợp chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này để thật sự kiểm soát chặt chẽ được quyền

lực, đủ sức phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng lộng quyền, lạm quyền, không thực hiện đầy đủ quyền được giao và các biểu hiện tiêu cực khác từ sớm, từ xa, từ lúc mới manh nha, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Càng nhấn mạnh vị thế, vai trò cầm quyền của Đảng, đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa càng cần hình thành lý luận về kiểm soát quyền lực làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực toàn diện, chặt chẽ, hiệu quả hơn, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong cả hệ thống chính trị ■

¹ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.54, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2007, tr.556.

² Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.55, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.502.

³ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.69, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.517.

⁴ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.68, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.227.

⁵ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.65, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.337.

⁶ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.40, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.490.

⁷ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.48, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.597.

⁸ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.173.

XÂY DỰNG THỂ TRẬN AN NINH NHÂN DÂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

● TRUNG TƯỚNG, PGS, TS TRẦN VI DÂN
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Cục trưởng V04

1 Xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc để phát huy sức mạnh của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là bài học kết tinh từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Thực tiễn tình hình trong nước, thế giới và khu vực từ khi đổi mới đến nay cho thấy, sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức lớn từ cả hai hướng bên trong và bên ngoài. Khái quát lại, có 02 nhóm nguy cơ, thách thức chính luôn hiện hữu, đó là: (i) *Thách thức đối với bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc;* (ii) *thách thức đối với bảo vệ, duy trì ổn định chính trị, xã hội; sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và con người*

Việt Nam. Để hóa giải các nguy cơ, thách thức này, việc chăm lo, xây dựng các thể trận được Đảng ta quan tâm, trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng, vận hành, kết hợp chặt chẽ giữa thể trận quốc phòng toàn dân nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (do Quân đội nhân dân giữ vai trò chủ trì, nòng cốt) và thể trận an ninh nhân dân nhằm giữ vững ổn định chính trị, xã hội; bảo vệ sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và an ninh con người Việt Nam (do Công an nhân dân giữ vai trò chủ trì, nòng cốt). Trong tổng thể đó, vai trò của thể trận an ninh nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc thể hiện ở hai khía cạnh cơ bản là khơi dậy, quy tụ sức mạnh đoàn kết

của đông đảo tầng lớp nhân dân và kết hợp với thể trận quốc phòng toàn dân để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các lực lượng, nòng cốt là Công an nhân dân và mọi nguồn lực vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, bảo vệ Tổ quốc từ bên trong. Cụ thể là:

Ở khía cạnh thứ nhất, khơi dậy, quy tụ và phát huy sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân vào nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự. Tư tưởng Hồ chí Minh và quan điểm của Đảng ta luôn xác định bảo vệ Tổ quốc nói chung, bảo đảm an ninh, trật tự nói riêng là sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Sức mạnh của quần chúng nhân dân có ý nghĩa quyết định đến sự thành - bại của mọi nhiệm vụ cách mạng, “không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn”¹. Do đó, phải quy tụ, huy động được sức mạnh đoàn kết toàn dân, tạo ra khí thế cách mạng mạnh mẽ của quần chúng, “lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”². Đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy Công an nhân dân “phải biết dựa vào dân, không được xa rời

dân, nếu không thế sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì ta thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”³. Trong nhân dân có nhiều tầng lớp, thành phần, trình độ, khả năng khác nhau; khi được tập hợp, quy tụ, kết thành một khối thống nhất thì sẽ hình thành nên sức mạnh tổng hợp. Xây dựng thể trận an ninh nhân dân chính là quán triệt quan điểm “lấy dân làm gốc”, dựa trên nền tảng thể trận lòng dân vững chắc để quy tụ, phát huy và nhân lên nhiều lần nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, bảo vệ Tổ quốc từ bên trong.

Ở khía cạnh thứ hai, kết hợp với thể trận quốc phòng toàn dân nhân lên sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, nguồn lực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn đã khẳng định, kết hợp chặt chẽ giữa thể trận an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân là yêu cầu tất yếu, khách quan trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm, định hướng của Đảng thể hiện trong các Văn kiện đại hội, các chiến lược lớn về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh

quốc gia luôn đặt nhiệm vụ xây dựng, vận hành hai thể trận này song hành với nhau, coi đó là một trong những phương thức hữu hiệu để phát huy sức mạnh, nguồn lực bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, thể trận quốc phòng toàn dân do Quân đội nhân dân chủ trì để “tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng, tiềm lực quốc phòng trên toàn bộ lãnh thổ theo kế hoạch thống nhất, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc để ngăn ngừa, đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hoạt động chống phá của thế lực thù địch, sẵn sàng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến”⁴. Thể trận an ninh nhân dân do Công an nhân dân chủ trì nhằm “tổ chức, bố trí lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và các nguồn lực cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia”⁵. Mặc dù, mỗi thể trận có vai trò riêng, mục tiêu cụ thể và khác nhau về lực lượng, phương tiện, phạm vi, địa bàn, song không thể tách rời nhau, biệt lập với nhau, mà phải luôn có sự kết hợp chặt chẽ, thường xuyên. Sự gắn kết giữa hai thể trận sẽ phát huy tổng lực sức mạnh thể và lực của mỗi thể trận, góp phần hình thành nền tảng vững chắc cho thể trận bảo vệ Tổ quốc.

2. Thuật ngữ “thể trận an ninh nhân dân” lần đầu tiên được đề cập chính thức trong Văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng (năm 1991). Trên cơ sở đánh giá toàn diện tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, kết quả thực hiện đường lối đổi mới đề ra từ Đại hội lần thứ VI (năm 1986) trên các lĩnh vực trọng yếu, nhất là quốc phòng và an ninh, Đại hội lần thứ VII của Đảng đề ra nhiệm vụ phải “kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với xây dựng thể trận an ninh nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tính tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, phối hợp lực lượng quốc phòng và an ninh trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự”⁶. Từ đó đến nay, tư duy, nhận thức về thể trận an ninh nhân dân ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn, góp phần định hướng bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước. Đặc biệt, từ Đại hội lần thứ X (năm 2006), yếu tố “lòng dân” và xây dựng “thể trận lòng dân” được xác định là nền tảng quan trọng để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và xây dựng thể trận an

ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Đến Đại hội XIII (năm 2021), Đảng ta xác định phải “xây dựng và phát huy mạnh mẽ thể trận lòng dân trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân”⁷. Tư duy chiến lược này được thể hiện rõ nét, nhất quán trong nhiều văn bản chiến lược quan trọng về bảo đảm quốc phòng, an ninh, như: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược An ninh mạng quốc gia... Đồng thời, được thể chế hóa trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng, vận hành thể trận.

Bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lực lượng Công an nhân dân đã tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chú trọng xây dựng thể trận an ninh nhân dân toàn diện, rộng khắp trên cả nước, cả bên trong và bên ngoài; thường xuyên củng cố vững

chắc và từng bước phát triển theo chiều sâu, gắn kết chặt chẽ với thể trận quốc phòng toàn dân, nhất là tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn xây dựng, vận hành thể trận an ninh nhân dân thể hiện rõ nét trong việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để phát huy vai trò của 03 chủ thể chính là quần chúng nhân dân; cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và các lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh, trật tự, nòng cốt là Công an nhân dân trong việc huy động tổng hợp các nguồn lực vào nhiệm vụ an ninh, trật tự. Cụ thể:

Một là, khơi dậy, quy tụ, tập hợp và phát huy, phát triển ý thức tự giác tham gia, đóng góp nguồn lực xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân của các tầng lớp nhân dân

Sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân là nền tảng vững chắc nhất của thể trận an ninh nhân dân. Chỉ khi khơi dậy được lòng dân, sự tin yêu, đồng thuận của quần chúng nhân dân, kết nối, quy tụ các tầng lớp nhân dân thành một khối đoàn kết, thống nhất thì mới phát huy được nguồn sức mạnh to lớn đó. Đảng ta đã xác định

phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ sở quan trọng để xây dựng thể trận lòng dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc⁸. Mục tiêu cốt lõi của phong trào chính là phát huy sức mạnh lòng dân, tính tích cực của quần chúng nhân dân, dựa vào dân, lấy dân là gốc, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc để tạo nền tảng vững chắc cho xây dựng và củng cố thể trận an ninh nhân dân. Thời gian qua, phong trào này đã được quan tâm phát triển toàn

diện trên các mặt, từ việc hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đến đổi mới về nội dung, hình thức, cách thức tổ chức vận động quần chúng. Hàng trăm mô hình vận động quần chúng được triển khai trên khắp cả nước, tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi trong hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự; trong đó chú trọng, tập trung vào các đối tượng, địa bàn trọng điểm. Chẳng hạn như: Với người có uy tín trong dân tộc thiểu số, tôn giáo có các mô hình “dòng họ, tộc họ tự quản về an ninh, trật tự”, “xứ, họ đạo bình yên”;



Thăm cột mốc chủ quyền trên thềm lục địa phía Nam Tổ Quốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ảnh: TCCS

công nhân có mô hình “tổ công nhân tự quản”; ngư dân có mô hình “xóm chài bình yên”, “cụm tàu thuyền an toàn”; địa bàn biên giới có mô hình “tiếng kèn vùng biên”...

Hai là, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự tham gia của các ban, ngành, lực lượng trong việc huy động nguồn lực tổng hợp, nâng cao tiềm lực cho thể trận an ninh nhân dân

Với vai trò là chủ thể lãnh đạo, quản lý thể trận an ninh nhân dân, thời gian qua, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng, triển khai thể trận. Ở cấp Trung ương, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ sở chính trị, pháp lý để định hướng, chỉ đạo các ngành, các cấp, huy động các nguồn lực tham gia nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, trong đó có xây dựng, vận hành thể trận an ninh nhân dân. Ở cấp cơ sở, cấp ủy, chính quyền các cấp đã cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc thù địa bàn và nguồn lực của địa phương để chỉ đạo và tổ chức thực

hiện. Các yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó có xây dựng thể trận an ninh nhân dân được quan tâm gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Gần đây, việc Bộ Chính trị ban hành 06 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng (Trung du, miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁹, trong đó có đề ra nhiệm vụ củng cố, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh dân ở từng khu vực. Đây là những định hướng quan trọng để các địa phương phát huy tốt hơn tiềm năng, lợi thế của mình, góp phần xây dựng thể trận an ninh nhân dân có tính đặc thù ở mỗi vùng và gắn kết, liên hoàn trong tổng thể địa bàn cả nước. Bên cạnh đó, các bộ, ban, ngành, đoàn thể chính trị từ Trung ương đến địa phương cũng trực tiếp tham gia, phối hợp trong quá trình xây dựng thể trận an ninh nhân dân thông qua việc

thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành, đóng góp nguồn lực (kinh tế, khoa học kỹ thuật...) cho thể trận; đồng thời phát huy vai trò tự chủ, tự quản, tham gia bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý và vận động quần chúng nhân dân nói chung, cán bộ, thành viên, hội viên của tổ chức nói riêng tích cực tham gia xây dựng thể trận. Kết quả này đã góp phần huy động, kết hợp các nguồn lực của toàn hệ thống chính trị và xã hội để nâng cao tiềm lực, sức mạnh (vật chất và tinh thần) cho thể trận an ninh nhân dân, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự.

Ba là, xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngày càng vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng, vận hành thể trận an ninh nhân dân

Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 và Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị¹⁰, Bộ Công an đã sắp xếp, đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng “Bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở” để hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; tiếp

tục đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự. Đặc biệt, từ năm 2020 đến nay, hàng chục nghìn công an chính quy đã được tăng cường, bố trí đảm nhiệm các chức danh công an xã tại khắp các địa bàn trong cả nước, trong đó chú trọng củng cố, tăng cường cho các địa bàn chiến lược, trọng điểm về an ninh, trật tự như biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo. Nhờ đó, đã kịp thời giải quyết nhiều vụ việc về an ninh, trật tự từ sớm, từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ và phát sinh thành điểm nóng phức tạp; đồng thời góp phần tham mưu củng cố, nâng cao sức chiến đấu của hệ thống chính trị cơ sở, tạo sự chuyển biến tốt lên rõ rệt để xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được nêu trên, việc xây dựng, vận hành thể trận an ninh nhân dân còn có hạn chế, bất cập. Chẳng hạn như: Việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ở

một số địa phương, đơn vị chưa sâu sắc, thiếu kiên quyết, triệt để. Nhận thức về thể trận an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân, mối quan hệ giữa hai thể trận và trách nhiệm, vai trò tham gia xây dựng, vận hành thể trận có nơi, có lúc chưa đầy đủ. Tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm suy giảm niềm tin của nhân dân, ảnh hưởng đến sự vững mạnh, sức chiến đấu của Đảng và gây nhiều khó khăn trong việc tuyên truyền, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân xây dựng thể trận an ninh nhân dân... Vì thế, “việc kết hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân ở một số nơi còn mang tính hình thức”¹¹; giá trị, vai trò của thể trận an ninh nhân dân chưa được phát huy một cách đồng bộ, bền vững và thường xuyên liên tục nên chưa phát huy tốt các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, “sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc có lúc, có nơi chưa

được quan tâm phát huy đầy đủ”¹². Những tồn tại trên đã khiến cho an ninh, trật tự trên một số địa bàn, lĩnh vực có thời điểm chưa thật vững chắc; việc xử lý một số tình huống phức tạp nảy sinh ở một số địa bàn, cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng.

3. Thời gian tới, tình hình thế giới, trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; các nguy cơ, thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài vẫn hiện hữu, thậm chí có mặt diễn biến phức tạp hơn, “đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹³. Đại hội XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045 là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa,

hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN. Mục tiêu cụ thể được xác định đến từng giai đoạn là: “*Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. *Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. *Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”¹⁴.

Trong bối cảnh đó, xây dựng thể trận an ninh nhân dân là một nhiệm vụ rất quan trọng để huy động tổng hợp các nguồn sức mạnh của đất nước, dân tộc và cả hệ thống chính trị vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, trong đó sức mạnh to lớn từ nhân dân, từ “thể trận lòng dân” là quan trọng nhất. Để góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, bên

cạnh việc tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để phát huy sức mạnh đoàn kết của các chủ thể, huy động nhiều nguồn lực vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, xin trao đổi một số định hướng xây dựng thể trận an ninh nhân dân thời gian tới như sau:

Một là, coi trọng hơn nữa việc xây dựng thể trận lòng dân vững chắc, làm nền tảng để phát huy nguồn sức mạnh to lớn, vô hạn của nhân dân vào xây dựng thể trận an ninh nhân dân

Quan điểm xây dựng “thể trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đã được khẳng định từ Đại hội X. Đến Đại hội XIII, Đảng ta phát triển tư duy mới, rõ nét hơn về xây dựng “thể trận lòng dân” để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, đó là “xây dựng thể trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Vì thế, xây dựng thể trận an ninh nhân dân cần phải coi trọng xây dựng thể trận lòng dân vững chắc, trong đó, chú ý củng cố khối đại đoàn kết, tăng cường sự đồng thuận lòng dân, tính tự giác tham gia các phong trào cách mạng

của quần chúng nhân dân trong nước và khơi dậy lòng yêu nước, hướng về Tổ quốc của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; phát huy ý chí tự cường, phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc của mọi thành phần, tầng lớp nhân dân phù hợp với bối cảnh tình hình mới. Thực tiễn cho thấy, ở nơi nào nhân dân tin tưởng, ủng hộ, tích cực, tự giác tham gia thì thể trận an ninh nhân dân sẽ phát huy hiệu quả cao, công tác bảo đảm an ninh, trật tự sẽ ở thể chủ động.

Hai là, xây dựng thể trận an ninh nhân dân liên hoàn, toàn diện ở các địa bàn, môi trường gắn với phạm vi, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

Trong bối cảnh mới, “do nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia có sự thay đổi nên tất yếu phạm vi bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia cũng có sự thay đổi tương ứng”¹⁵, không chỉ giới hạn trong phạm vi biên giới hành chính quốc gia mà còn mở rộng ra ngoài lãnh thổ đất nước; đặc biệt, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra một không gian chiến lược mới - không gian mạng. Điều này đặt ra những yêu cầu mới đối với xây dựng thể trận an ninh

nhân dân, vừa phải vững chắc ở trong nước, vừa mở rộng, tăng cường ra ngoài biên giới quốc gia, vừa phát triển trên môi trường mới - không gian mạng để hình thành thể trận tổng hợp, liên hoàn bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia đã đề ra quan điểm “từng bước xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên không gian mạng”. Thời gian tới, cần phải tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề mới về nhận thức, như đặc thù của môi trường, không gian xây dựng thể trận; đối tượng, lực lượng tham gia và các điều kiện đảm bảo để xây dựng, vận hành thể trận an ninh trên không gian mạng.

Ba là, tăng cường sự gắn kết chặt chẽ giữa thể trận an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân trên nền tảng thể trận lòng dân vững chắc để hợp thành thể trận bảo vệ Tổ quốc

Kết hợp các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân trên nền tảng thể trận lòng dân vững chắc được coi là nền tảng “gốc rễ”, nghệ thuật đặc

sắc, yếu tố quyết định tạo nên thể trận liên hoàn, toàn diện, rộng khắp, tổng hợp sức mạnh của dân tộc ta để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Qua từng giai đoạn cách mạng, lý luận và thực tiễn đã khẳng định tính đúng đắn khách quan, sự cần thiết phải gắn kết giữa hai thể trận trong bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sự vận hành, kết hợp của các thể trận để tạo thành thể trận tổng hợp, liên hoàn, nhuần nhuyễn còn có những vướng mắc, bất cập cả về cơ sở chính trị, pháp lý và cơ chế, nguồn lực thực hiện. Các chủ thể có trách nhiệm chính trong xây dựng các thể trận tuy thống nhất trong nhận thức, nhưng thực tế mới tập trung xây dựng, vận hành thể trận mà mình làm nòng cốt, chủ trì, chưa dành nhiều quan tâm đến các thể trận khác. Vì thế, đã đến lúc cần phải tích hợp, xây dựng được thể trận bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Ở góc độ nghiên cứu, nhận thức, chúng tôi cho rằng *thể trận bảo vệ Tổ quốc là sự liên kết chặt chẽ trong - ngoài, trên - dưới với trụ cột là thể trận lòng dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân*

*và thể trận an ninh nhân dân trên nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân vững chắc*¹⁶.

Bốn là, lực lượng Công an cần tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng thể trận an ninh nhân dân và góp phần xây dựng, vận hành thể trận bảo vệ Tổ quốc, trong đó trọng tâm là:

- Tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ Tổ quốc; tổ chức thực hiện hiệu quả các mặt công tác bảo đảm an ninh, trật tự, chủ động phòng chống âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo đảm an toàn cho các lực lượng, nguồn lực tham gia thể trận an ninh nhân dân và các thể trận khác; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và các điều kiện bảo đảm, đặc biệt là tự chủ về khoa học - công nghệ góp phần nâng cao năng lực xây dựng, vận hành thể trận an ninh nhân dân trên không gian mạng

- Tham mưu các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm xây dựng hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh, có năng lực, uy tín với nhân dân; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ xây

dựng thể trận an ninh nhân dân; xác định rõ đây là một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn dân, nòng cốt là lực lượng Công an nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện của Đảng.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức vận động quần chúng, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng, phát huy hiệu quả các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự để vừa tranh thủ sức mạnh của quần chúng nhân dân trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vừa chủ động giải quyết những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự ngay từ khi nảy sinh và tại cơ sở. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, động viên, khích lệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp trí tuệ, vật chất vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; huy động tổng hợp các nguồn lực vật chất, tinh thần và khoa học công nghệ để xây dựng thể trận an ninh liên hoàn, gắn kết bên trong với bên ngoài biên giới quốc gia và trên không gian mạng, coi trọng bảo vệ bên trong.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ

Chính trị, tiếp tục xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo lộ trình đề ra; ưu tiên đầu tư về con người, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo cần thiết để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công an cấp cơ sở. Tổ chức tốt các mặt công tác Công an bảo đảm an ninh, trật tự toàn diện, bám sát yêu cầu, nhiệm vụ đề ra trong các Chiến lược về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, các Nghị quyết phát triển vùng của Bộ Chính trị; thực hiện biện pháp phòng ngừa xã hội, tạo ra thể trận toàn dân tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm ngay từ địa bàn cơ sở, góp phần xây dựng xã hội an toàn, kỷ cương, lành mạnh.

- Nghiên cứu, làm rõ hơn những vấn đề về lý luận bảo vệ Tổ quốc và yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; xác lập vai trò của các lực lượng nòng cốt trong bảo vệ Tổ quốc, trong đó bổ sung, hoàn thiện lý luận về xây dựng, vận hành “thể trận bảo vệ Tổ quốc” nhằm góp phần xây dựng cơ sở chính trị, pháp lý về thể trận này. Nghiên cứu bổ sung, phát triển lý luận về thể trận an ninh nhân dân, cách thức tổ chức,

phương pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả, đồng bộ các loại hình thể

trận để chủ động thích ứng với bối cảnh tình hình mới ■

^{1,2} Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.55, 55.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.270.

⁴ Khoản 5, Điều 2 Luật Quốc phòng năm 2018.

⁵ Khoản 10, Điều 3, Luận An ninh quốc gia năm 2004.

⁶ ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, t.51 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.117.

^{7, 12, 13, 14} ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.157, 88, 109, 111-112.

⁸ Kết luận số 44-KL/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

⁹ 06 nghị quyết gồm: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 15/4/2022, số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022, số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022, số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022, số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022, số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022.

¹⁰ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.

¹¹ ĐCSVN: Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.72-73.

¹⁵ Đại tướng, GS. TS Tô Lâm (chủ biên), Những điểm mới về an ninh quốc gia trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.60.

¹⁶ Trung tướng, PGS. TS Trần Vi Dân, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an, Thế trận bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thuộc Chương trình nghiên cứu của Đề tài KX.04.31/21-25.

XÂY DỰNG THỂ TRẬN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN: QUAN ĐIỂM, THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP

● Thiếu tướng, PGS, TS NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Xây dựng và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là một trong những nội dung rất quan trọng của sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, góp phần nâng cao sức mạnh quân sự, quốc phòng, an ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là vấn đề lớn, phức tạp, liên quan đến toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, cả hệ thống chính trị; thu hút sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; đặc biệt là các đồng chí lãnh đạo Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; các nhà

khoa học quân sự, an ninh; các cơ quan hoạch định chiến lược về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ở nước ta hiện nay.

Theo Từ điển Khoa học quân sự, Luật Quốc phòng năm 2018 và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thể trận quốc phòng toàn dân là việc tổ chức, triển khai bố trí lực lượng, tiềm lực quốc phòng trên toàn bộ lãnh thổ kể cả trên không gian mạng, trên biển, trên đất liền theo một kế hoạch thống nhất, phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương châm chỉ đạo của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược Quân sự, Chiến lược Quốc phòng; Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc

gia..., để ngăn ngừa từ sớm, từ xa và đối phó thắng lợi với mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động về xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và lợi ích quốc gia - dân tộc, sẵn sàng chuyển đất nước từ trạng thái thời bình sang thời chiến và ngược lại một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố); xây dựng “thể trận lòng dân” được Đảng ta xác định là nền tảng vững chắc; đồng thời là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc tạo nên sức mạnh của thể trận quốc phòng - an ninh một cách liên hoàn, toàn diện, rộng khắp nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

cũng như mọi tiềm năng, thế mạnh của quốc gia - dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Đây vừa là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, vừa là yêu cầu khách quan, cấp

bách của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước; trong đó, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt, chuyên trách; xung kích đi đầu.

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân là một trong những nội dung cơ bản của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, được xác định trong các

văn bản Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI và XIII về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Qua quá trình triển khai thực hiện chủ

Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố); xây dựng “thể trận lòng dân” được Đảng ta xác định là nền tảng vững chắc; đồng thời là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc tạo nên sức mạnh của thể trận quốc phòng - an ninh một cách liên hoàn, toàn diện, rộng khắp.

trương, đường lối của Đảng về công tác quân sự, quốc phòng và xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, nhất là thực tiễn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, các cấp, ngành, địa phương; cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đã “chung sức, đồng lòng” tiến hành nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đảng, Nhà nước đã xác định trên tất cả các lĩnh vực: quân sự, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và mọi mặt của đời sống xã hội có liên quan. Cùng với những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, cần rút ra những vấn đề cơ bản, cốt lõi để tiếp tục định hướng xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 một cách có hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng trước mắt và lâu dài.

Nhìn lại những năm qua, chúng ta nhận thấy: Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine, Israel - Hamas cũng như các thách

thức an ninh phi truyền thống ngày càng khắc nghiệt; nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhất là bảo vệ chủ quyền biển, đảo; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị ráo riết thực hiện âm mưu, thủ đoạn, hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; thực hiện “phi chính trị hóa”, “dân sự hóa” lực lượng vũ trang ngày càng tinh vi, thâm độc, công khai trắng trợn và ngày càng trực diện, quyết liệt hơn.

Đứng trước yêu cầu, nhiệm vụ mới ngày càng phức tạp với yêu cầu ngày càng cao, Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân theo Nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng. Trong đó, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, “thể trận lòng dân” ngày càng vững chắc; lấy xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện

đại; ưu tiên một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại làm mục tiêu phấn đấu; ra sức phát huy truyền thống, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”; sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó; trong đó, có một số nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc với những dấu ấn nổi bật, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Có thể khẳng định rằng, Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân nắm chắc diễn biến tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ; đã xử lý kịp thời, linh hoạt, hiệu quả các tình huống mới nảy sinh, không để đất nước bị động, bất ngờ, nhất là xử lý các tình huống xảy ra trên Biển Đông, trên tuyến biên giới đất liền, các địa bàn chiến lược, trọng điểm; luôn giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để Nhân dân an tâm sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Toàn quân đã quán triệt, thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các Chiến lược Quân sự, Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến

lược bảo vệ biên giới quốc gia, Luật Cảnh sát Biển, Luật Biên phòng Việt Nam và nhiều văn bản nghị quyết, chỉ thị, kết luận và văn bản pháp luật, pháp lệnh, nghị định khác có liên quan đến xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Qua đó, góp phần quan trọng vào việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, quân sự, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy; không để bị động, bất ngờ.

Cùng với đó, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân đã gắn chặt với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân. Đến nay, thế bố trí chiến lược quốc phòng - an ninh, nhất là thế bố trí dân cư, lực lượng, thế phát triển kinh tế - xã hội được rà soát, quy hoạch, điều chỉnh phù hợp với khả năng, điều kiện cho phép, thực hiện tốt chiến lược bảo vệ Tổ quốc; đã bám sát vào đặc điểm tình hình của mỗi vùng chiến lược, mỗi địa phương. Qua đó, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ

thống các công trình phòng thủ, các điểm chốt, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương; hệ thống phòng thủ dân sự bảo đảm cho tác chiến, phòng tránh và khắc phục các sự cố, chiến tranh, các thảm họa.

Trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, chúng ta đã đẩy nhanh việc xây dựng đường tuần tra biên giới, đường Trường Sơn Đông; xây dựng và củng cố vững chắc 28 đoàn kinh tế - quốc phòng của quân đội, các đơn vị đứng chân trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biển, đảo của Tổ quốc. Đã quan tâm hơn đến xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên hùng hậu, rộng khắp; tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng này phát huy thế mạnh trong xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các khu dân cư. Đồng thời, đã quan tâm đến công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng người dân, nhất là các đối tượng chức sắc, chức việc, người tu hành. Nhờ đó, tiềm lực, sức mạnh tại chỗ, ở các khu vực phòng thủ không

ngừng được nâng lên, bảo đảm được tính độc lập tại chỗ được liên kết chặt chẽ và thông suốt. Chúng ta đã thực hiện tốt phương châm “*làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh*”. Đây là những điểm nổi bật trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân; nhờ đó đã góp phần xây dựng và củng cố vững chắc “thể trận lòng dân”; tô thắm thêm hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới.

Quân đội đã phát huy tốt vai trò nòng cốt, lực lượng xung kích, đi đầu trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân; luôn có mặt ở những nơi xung yếu nhất; gian khổ, hiểm nguy nhất cùng với Nhân dân cả nước khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; cứu hộ, cứu nạn; tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng tổ chức đảng và chính quyền cơ sở địa phương, cơ quan, đơn vị ngày càng vững mạnh. Qua đó, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, đạo đức, tổ chức và cán bộ; luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, tổ chức, biên chế

của quân đội được điều chỉnh theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiện đại; bảo đảm đồng bộ, kịp thời về vũ khí, trang bị quân sự, lực lượng chuyên trách. Từ năm 2016 đến nay, các đơn vị trong toàn quân đã tiến hành điều chỉnh hơn 1.400 tổ chức; trong đó đã giải thể nhiều tổ chức trung gian; thực hiện đúng phương châm: ưu tiên quân số cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tuyến biên giới, hải đảo; đầu tư thỏa đáng cho việc ưu tiên hiện đại hóa một số đơn vị: Không quân, Hải quân, Tác chiến điện tử; Thông tin liên lạc, Cảnh sát Biển Việt Nam... Công tác đào tạo, huấn luyện gắn sát với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân. Bảo đảm ngày càng tốt về nhu cầu hậu cần, kỹ thuật, công nghiệp quốc phòng và công tác nhà trường, hậu phương quân đội; chú trọng công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược; làm chủ các công nghệ mới để đẩy mạnh sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị mới, hiện đại. Hội nhập quốc tế về quốc phòng được triển khai tích cực; mở rộng hợp tác cả đa phương và song phương, đem lại hiệu quả thiết thực; tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc; góp

phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Điểm nhấn khẳng định kết quả xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trong những năm qua có thể nhìn thấy rõ hơn qua các mặt cơ bản sau đây.

Về xây dựng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” ngày càng vững chắc, có nền nếp, chính quy. Chúng ta đã nhận thức đúng vị trí, vai trò hạt nhân của nhiệm vụ này trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân; đặc biệt đã và đang dành sự quan tâm lớn đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Luôn đổi mới biện pháp xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết, sự nhất trí cao trong Đảng, trong Nhân dân; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến dịch chiến lược. Tích cực, chủ động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu; ngăn chặn, đẩy lùi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ trong nội bộ, “phi chính trị hóa”, “dân sự hóa” lực lượng vũ trang. Qua

đó, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa luôn được đặt lên vị trí hàng đầu, thực hiện bài bản, đạt hiệu quả thiết thực. Đồng thời, luôn coi trọng việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, tổ chức đảng và chính quyền địa phương vững mạnh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, địa bàn chiến lược, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có nhiều khó khăn. Luôn quan tâm tháo gỡ khó khăn, chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân và bộ đội, củng cố lòng tin, sự đồng thuận của Nhân dân. Ban hành nhiều chủ trương, chính sách hợp lòng dân, có cơ chế hợp lý để Nhân dân phát huy tinh thần, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân đối với đất nước và chế độ, cộng đồng; phát huy dân chủ ở cơ sở; làm cho “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng” các giá trị vật chất và tinh thần của công cuộc đổi mới đem lại. Nhờ đó, đã khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh; đất nước phồn vinh, hạnh phúc; xây dựng quốc gia hùng cường, thịnh vượng.

Về xây dựng thế trận kinh tế có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Chúng ta đã chú trọng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ngược lại, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; bảo đảm cơ sở vật chất ngày càng tốt hơn cho quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, nhất là bảo đảm hiện đại hóa Quân đội; đã thực hiện tốt chủ trương lớn của Đảng, chính sách của Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế gắn với tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng và tiềm lực quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn, từng vùng miền, địa phương, trọng điểm là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Đồng thời, triển khai chặt chẽ việc kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với tổ chức, bố trí dân cư, lực lượng, tiềm lực quốc phòng, an ninh trong từng địa phương, vùng miền, địa bàn chiến lược, phân công, sắp xếp lại lao động, ngành nghề, bố trí lại dân cư, các đơn vị hành chính; bảo đảm các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa đều có lực lượng quốc phòng, an ninh hỗ trợ. Phát triển các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế kết hợp với tổ chức, bố trí lực lượng và tiềm lực quốc phòng, trong khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ,

nông, lâm, ngư nghiệp, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, y tế; gắn với bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, cơ động lực lượng, thông tin liên lạc, các công trình quân sự, quốc phòng, an ninh và lực lượng dân quân tự vệ; đảm bảo hài hòa việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn xã hội ở mỗi địa phương, vùng miền.

Về xây dựng thể trận quân sự, quốc phòng đạt nhiều thành tựu quan trọng. Chúng ta đã cơ bản hoàn thành tốt việc triển khai, bố trí lực lượng Quân đội trên các hướng chiến lược, địa bàn chiến lược ở các quân khu, các vùng miền, nhất là kết hợp việc bố trí lực lượng cơ động chiến lược và lực lượng tại chỗ đan cài vào nhau hợp lý. Tiếp tục điều chỉnh thể bố trí chiến lược lực lượng Quân đội và Công an, đáp ứng yêu cầu phòng thủ đất nước; coi trọng các kế hoạch, công trình, đã bố trí lực lượng phù hợp với hướng biển, biên giới và dự kiến nhiều phương án tác chiến để sẵn sàng xử trí thắng lợi mọi tình huống; coi trọng xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần kỹ thuật, khu sơ tán, sở chỉ huy các cấp, các điểm

tựa, các cụm điểm tựa, khu vực bố trí các lực lượng, kể cả tổ dân quân thường trực, đảm nhiệm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, canh phòng. Tăng cường tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ bảo đảm sát với các tình huống quốc phòng, an ninh ở địa phương và toàn quân, toàn quốc. Trong đó, ưu tiên xây dựng các công trình phòng thủ biển, đảo, thềm lục địa, phòng thủ biên giới, đường tuần tra và các con đê, kè sông, suối biên giới, địa bàn chiến lược một cách thống nhất, bài bản.

Về xây dựng thể trận đối ngoại, thực hiện tốt đường lối ngoại giao cây tre Việt Nam; chính sách quốc phòng “bốn không” và “bốn tránh” đạt hiệu quả cao. Chúng ta đã triển khai đồng bộ, toàn diện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa; tạo môi trường trong nước, quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện tốt phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, kết hợp xây dựng thể trận quốc phòng bên ngoài lãnh thổ với bên trong lãnh thổ vững chắc trên

tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ, không bị lệ thuộc, không đối đầu, tránh bị cô lập; thực hiện chính sách quốc phòng “bốn không”, “bốn tránh” của Việt Nam; không chọn bên, chọn phe, chỉ chọn chính nghĩa, lẽ phải. Đã

coi trọng tăng cường mối quan hệ, hợp tác quân sự, quốc phòng với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Campuchia, các nước ASEAN, các nước lớn, bạn bè truyền thống; đã nâng cấp từ đối tác toàn diện lên thành đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ... Tăng cường các hoạt động giao lưu biên giới với các nước láng giềng.

Có được những thành tựu to lớn, đáng tự hào về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân nêu trên là do các cấp, các ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; có nhiều cách làm hay, biện pháp

tốt để nâng cao ý thức, nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ về nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đã giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và các lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đã thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Đảng về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân phải bắt đầu từ xây dựng thể trận quân sự; dựa vào nhân dân; lấy xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc làm cơ sở để xây dựng tiềm lực

chính trị - tinh thần vững chắc. Đồng thời, quan tâm chăm lo xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm

Có được những thành tựu to lớn, đáng tự hào về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân nêu trên là do các cấp, các ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; có nhiều cách làm hay, biện pháp tốt để nâng cao ý thức, nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

của Chủ tịch Hồ Chí Minh “người trước, súng sau”, “lấy chính trị làm gốc”; ưu tiên xây dựng và phát triển văn hóa, con người, coi nguồn lực chính trị - tinh thần là yếu tố quan trọng nhất để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân - sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đồng thời, làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân; coi trọng công tác dự báo chiến lược; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách; coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân. Thực hiện đồng bộ, toàn diện các mặt công tác nêu trên là cơ sở để Đảng, Nhà nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thời gian tới, bên cạnh những mặt mạnh là rất cơ bản, đất nước ta đồng thời phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Để tiếp tục xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc trong tình hình mới cần tập trung thực hiện tốt những định hướng giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo chiến lược về âm mưu, thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, kịp thời tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước những kế sách giữ nước hiệu quả nhất. Đồng thời, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; làm cho Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh, chiếm được niềm tin yêu, ủng hộ của Nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và XIII của Đảng về nhiệm vụ cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay; trọng tâm là thực hiện cho được Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên “bị nhúng chàm”, bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa”;

không được để những cán bộ, đảng viên thuộc diện này lọt vào bộ máy của Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, xa dân. Đẩy lùi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và làm tốt hơn công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là ở xã, phường, thị trấn với nhiều biện pháp để xã, phường, thị trấn ngày càng vững mạnh. Cần trọng hơn nữa trong việc lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ, nhất là những người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ở cơ sở; họ phải thật sự là “công bộc của nhân dân”, không có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, xa dân.

Ba là, tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Trung ương 8 khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và các chiến lược chuyên ngành quân sự, quốc phòng; quan tâm chăm lo xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) vững chắc trong tình hình mới. Rà soát, điều chỉnh công tác đầu tư ngân sách, trang thiết bị, máy móc, phương tiện quân sự, an ninh để xây dựng vững chắc từng nội dung, từng thành tố tạo nên thế trận quốc phòng toàn dân; chú trọng xây dựng thế trận

quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; địa bàn chiến lược trọng điểm. Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác phòng thủ dân sự và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân tại khu vực phòng thủ tỉnh, (thành phố) gắn với chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Quan tâm chăm lo xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo đúng tinh thần Đại hội XIII của Đảng. Phát huy tốt vai trò nòng cốt của Quân đội, của Công an trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng dự bị, động viên, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế; kinh tế với quốc phòng, an ninh; đặc biệt quan tâm xây dựng, củng cố, phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Năm là, tăng cường giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân

dân và Công an nhân dân, các lĩnh vực quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch vững mạnh tiêu biểu, gương mẫu; phát huy tốt phẩm chất, nhân cách “Bộ đội Cụ Hồ” - Bộ đội của Nhân dân. Tích cực đổi mới công tác huấn luyện, diễn tập; giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ quân sự; thực hiện tốt công tác hậu cần, kỹ thuật; phát triển công nghiệp quốc phòng và hội nhập quốc tế, thực hiện tốt chính sách quốc phòng “bốn không”, “bốn tránh” của Việt Nam; bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy.

Sáu là, tiếp cận mới về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên không gian mạng; bảo đảm thể bố trí lực lượng, vũ khí, trang bị tác chiến trên không gian mạng quốc gia; kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trên không gian mạng, hình thành thế trận quốc phòng - an ninh trên không gian mạng một cách an toàn, vững chắc, hiệu quả. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên không gian mạng dựa chắc trên nền tảng khoa học, công nghệ hiện đại. Phối hợp chặt chẽ tác chiến với các lực lượng trên lĩnh vực

công nghệ thông tin, Lực lượng 47, Ban Chỉ đạo 35 các cấp của các bộ, ban, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, công ty công nghệ thông tin, các nhà trường, viện nghiên cứu,... nhằm tạo thế trận rộng khắp, thu hút, phân tán khả năng tấn công mạng của đối phương vào những mục tiêu cơ sở hạ tầng mạng trọng yếu. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn, an ninh mạng.

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và xây dựng thế trận lòng dân đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 là chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước ta. Đây là vấn đề lớn, công việc hệ trọng liên quan trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng, sự an nguy, sống còn và lợi ích của quốc gia - dân tộc; hạnh phúc của Nhân dân. Vì vậy, cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết cả về lý luận, thực tiễn, đúc rút những bài học kinh nghiệm quý, làm cơ sở để triển khai thực hiện trong thực tiễn; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung 8 khóa XIII của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ■